

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

SỐ RA NGÀY 20/3/2025



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Phuongpn@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	5
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	12
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	19
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	26
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	34
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	40

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ Cà phê: Giữa tháng 3/2025, giá cà phê thế giới tiếp tục tăng do đồng USD suy yếu và thông tin lượng mưa tại các vùng trồng cà phê của Bra-xin thấp hơn dự báo.
- ▶ Hạt điều: Hiệp hội hạt điều Cầm-pu-chia dự báo sản lượng hạt điều trong năm 2025 của nước này đạt từ 700 – 900 nghìn tấn. Năm 2025, sản lượng điều của Bồ Biển Ngà dự kiến đạt 1,15 triệu tấn, tăng 20% so với năm 2024.
- ▶ Rau quả: Thái Lan đang tích cực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu trái cây, hướng đến các thị trường mới như Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan và Anh. Theo Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin, xuất khẩu dứa của nước này năm 2024 đạt khoảng 787,12 triệu USD, tăng 7,5% so với năm 2023. Năm 2024, nhập khẩu trái cây và rau quả tươi của Tây Ban Nha tăng 6% so với năm 2023.
- ▶ Sắn và sản phẩm từ sắn: Giá sắn nguyên liệu, giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm so với cuối tháng 02/2025. Xuất khẩu sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan tháng 1/2025 tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: Xuất khẩu đồ nội thất và phụ kiện đồ nội thất của Pê-ru trong năm 2024 tăng 14,5% so với năm 2023. Ngành công nghiệp đồ nội thất và thủ công mỹ nghệ của In-đô-nê-xi-a đặt mục tiêu xuất khẩu tăng trưởng 8 - 12% trong năm 2025, bất chấp những căng thẳng thương mại đang diễn ra.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

▶ Cà phê: Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa những ngày giữa tháng 3/2025 tăng mạnh so với đầu tháng. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản trong 2 tháng đầu năm 2025 giảm 11,5% về lượng, nhưng tăng 56,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tháng 1/2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.

▶ Hạt điều: 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm 27,4% về lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tháng 01/2025, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng tốt; Thị phần hạt điều Việt Nam chiếm 87,81% trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ.

▶ Rau quả: 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 686,9 triệu

USD, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản tháng 01/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.

▶ Sắn và sản phẩm từ sắn: 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 14,9% về lượng, nhưng giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Năm 2024, nhập khẩu sắn và tinh bột sắn của EU từ Việt Nam tăng so với năm 2023, nhưng thị phần sắn Việt Nam trong tổng nhập khẩu vào EU vẫn ở mức thấp.

▶ Gỗ và sản phẩm gỗ: 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Anh tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tăng.



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ *Giữa tháng 3/2025, giá cà phê thế giới tiếp tục tăng do đồng USD suy yếu và thông tin lượng mưa tại các vùng trồng cà phê của Bra-xin thấp hơn dự báo.*
- ▶ *Giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa những ngày giữa tháng 3/2025 tăng mạnh so với đầu tháng.*
- ▶ *Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản trong 2 tháng đầu năm 2025 giảm 11,5% về lượng, nhưng tăng 56,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.*
- ▶ *Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tháng 1/2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giữa tháng 3/2025, giá cà phê trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng tăng do đồng USD suy yếu so với đồng Real của Bra-xin. Cùng với đó, thông tin lượng mưa tại các vùng trồng cà phê của Bra-xin thấp hơn dự báo cũng hỗ trợ thị trường.

Giá cà phê vẫn giữ được đà tăng từ đầu năm nay do lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ

các nhà sản xuất chính. Tại Bra-xin, trong tháng 2/2025, tổng lượng cà phê xuất khẩu đã giảm khoảng 10% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ đạt 3,27 triệu bao, đã hỗ trợ giá. Theo Hiệp hội Cà phê Bra-xin (Cecafe), lượng xuất khẩu cà phê xanh của Bra-xin trong tháng 2/2025 giảm 11,7% so với cùng kỳ năm 2024, chỉ đạt 3 triệu bao (loại 60kg) do giá kém cạnh tranh khi so sánh với các

nhà sản xuất khác; Xuất khẩu Arabica giảm 2% so với cùng kỳ năm 2024 xuống còn 2,77 triệu bao; Xuất khẩu Robusta giảm mạnh khoảng 60% xuống còn khoảng 226.000 bao.

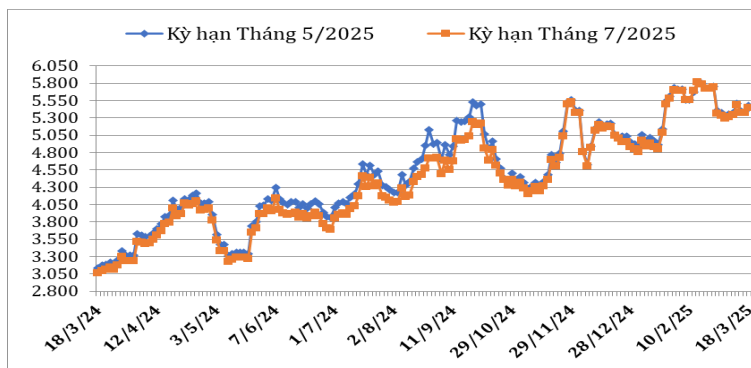
Tại Việt Nam, theo Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam (Vicofa), sản lượng cà phê niên vụ 2024 - 2025 của Việt Nam dự kiến giảm 5% so với niên vụ trước đó xuống khoảng 27 triệu bao, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và diện tích trồng bị thu hẹp.

Tuy nhiên, giá cà phê trong thời gian tới sẽ chịu áp lực điều chỉnh do nguồn cung

vừa được thu hoạch dần được đưa ra thị trường và Bra-xin sắp tới vụ thu hoạch. Bên cạnh đó, nhu cầu cà phê trên thế giới đang có dấu hiệu giảm do giá bán ở mức quá cao. Theo các chuyên gia, giá cà phê giữ ở mức cao có thể khiến nhu cầu giảm và gây áp lực lên giá trong thời gian tới.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 18/3/2025, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 5/2025 và tháng 7/2025 tăng lần lượt 2,7% và 3,0% so với ngày 01/3/2025, lên 5.474 USD/tấn và 5.451 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



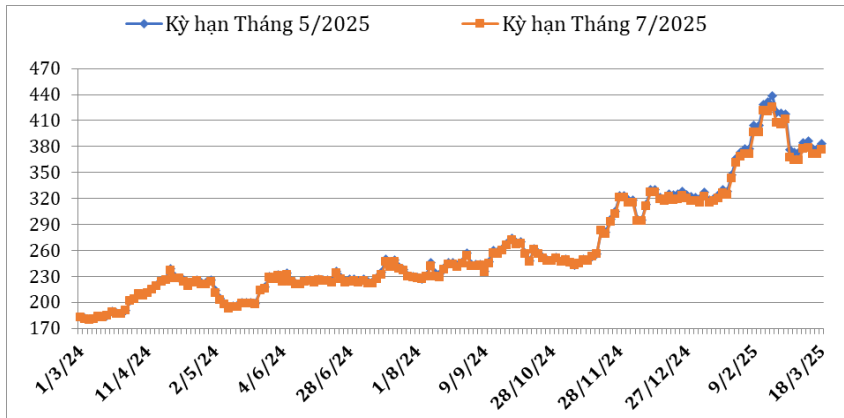
Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 18/3/2025, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2025 và tháng 7/2025

tăng lần lượt 2,8% và 3,3% so với ngày 01/3/2025, lên mức 383,4 Uscent/lb và 376,75 Uscent/lb.



Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 3/2024 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



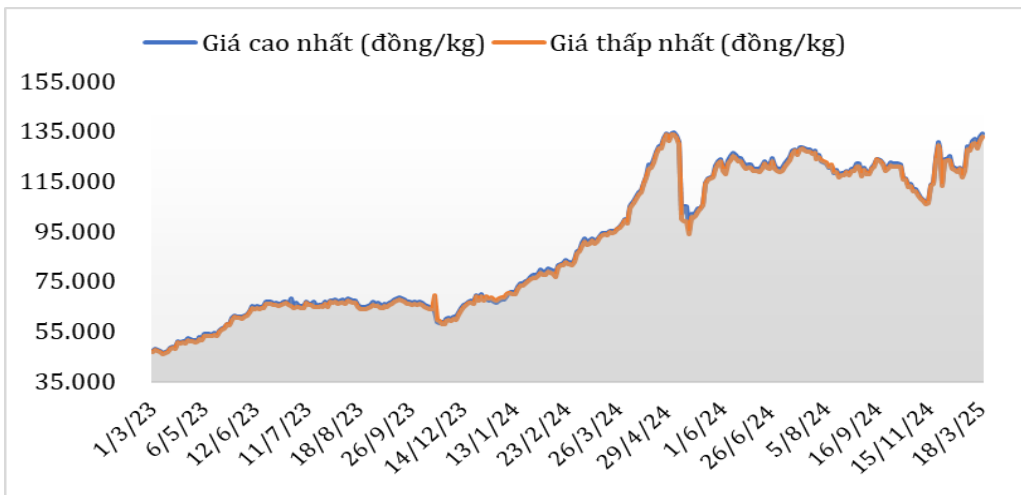
Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, tăng lần lượt 3,6% và 3,5% so với ngày ngày 18/3/2025, giá cà phê Arabica giao 01/3/2025, lên mức 478,0 Uscent/lb và kỳ hạn tháng 5/2025 và tháng 7/2025 473,9 Uscent/lb.

TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ ROBUSTA TĂNG MẠNH

Những ngày giữa tháng 3/2025, giá cà phê Robusta tại thị trường nội tăng mạnh 5.200 đồng/kg so với ngày 01/3/2025, dao động từ 132.700 – 134.000 đồng/kg (tùy so với thời điểm đầu tháng 3/2025. Giá cà phê vào ngày 18/3/2025 tăng từ 4.500 – từng khu vực khảo sát).

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ tháng 3/2024 đến nay



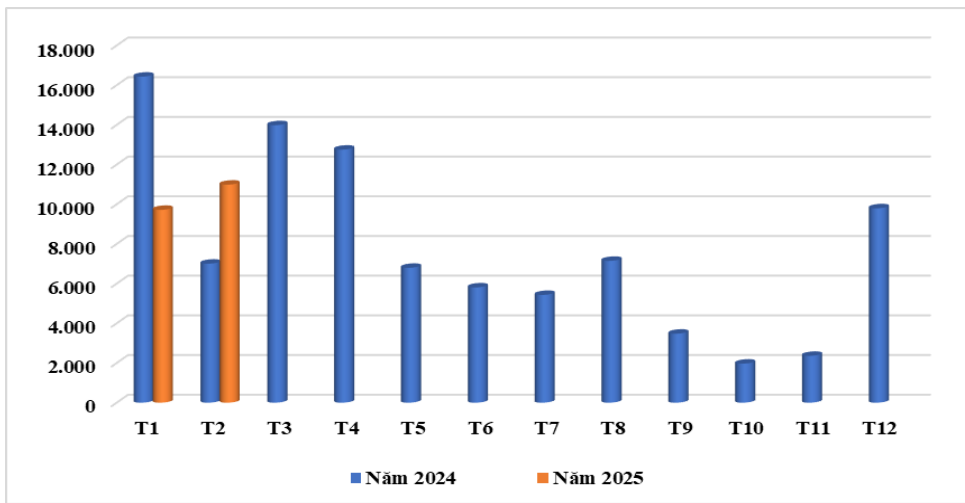
Nguồn: giacaphe.com

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM SANG NHẬT BẢN 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản tháng 2/2025 đạt 11,0 nghìn tấn, trị giá 67,9 triệu USD, tăng 13,1% về lượng và tăng 13,5% về trị giá so với tháng 01/2025; tăng 57,4% về lượng và tăng 145,6% về trị giá so với tháng 2/2024.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cà phê sang Nhật Bản đạt 20,7 nghìn tấn, trị giá 127,6 triệu USD, giảm 11,5% về lượng, nhưng tăng 56,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh.

Khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản năm 2024 – 2025 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Về giá: Tháng 2/2025, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 6.175 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng 01/2025 và tăng 56,1% so với tháng

2/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, giá xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt bình quân 6.163 USD/tấn, tăng 76,3% so với cùng kỳ năm 2024.



Tháng 01/2025, lượng xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm so với tháng 01/2024, trong khi xuất khẩu cà phê chế biến tăng trưởng khả quan là do các doanh nghiệp tập trung vào việc nâng cao chất lượng cà phê, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu và ứng dụng công nghệ tiên tiến...

Chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản trong tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Lượng; tấn; trị giá; nghìn USD)

Thị trường	Tháng 1/2025		So với tháng 12/2024 (%)		So với tháng 1/2024 (%)		Tỷ trọng tính theo trị giá (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Tháng 1/2025	Tháng 1/2024
Tổng	9.718	59.757	-0,8	9,0	-40,8	10,4	100,0	100,0
Robusta	7.318	37.975	-6,3	-2,4	-47,4	-2,0	63,5	71,5
Arabica	524	3.337	-19,0	-15,0	-1,9	41,6	5,6	4,4
Cà phê chế biến		18.431		54,0		40,1	30,8	24,1

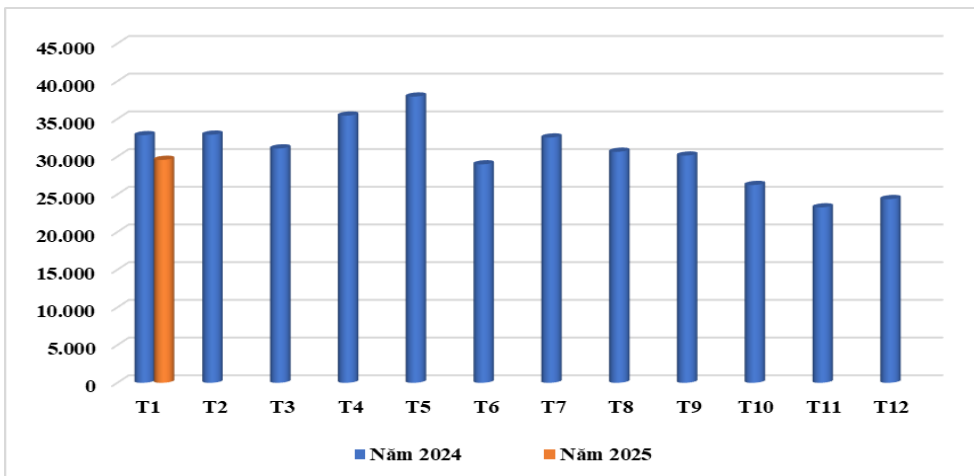
Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ NHẬT BẢN THÁNG 1/2025 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ cơ quan Hải quan Nhật Bản, tháng đầu năm 2025, nhập khẩu cà phê của Nhật Bản đạt 29,6 nghìn tấn, trị giá 179,3 triệu USD, giảm 10,0% về lượng, nhưng tăng 51,8% về trị giá so với tháng 01/2024.

Lượng cà phê nhập khẩu vào Nhật Bản qua các tháng năm 2024 – 2025

(ĐVT: Nghìn tấn)



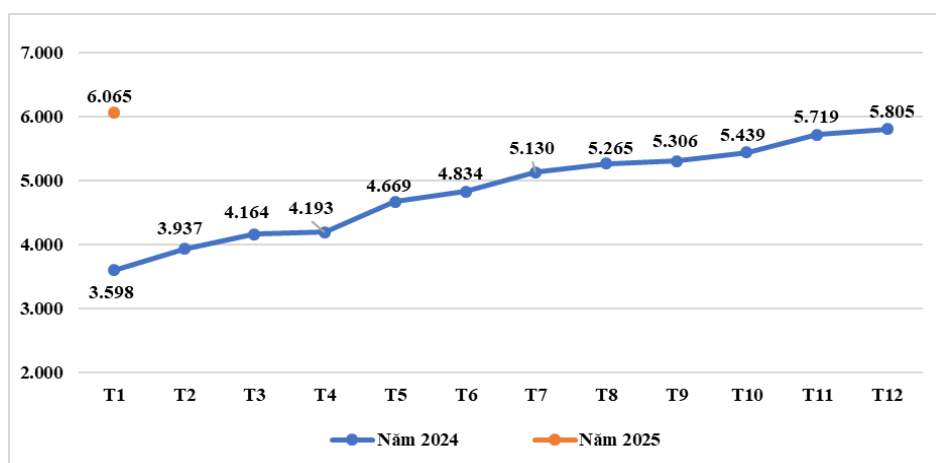
Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Về giá nhập khẩu:

Tháng 1/2025, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Nhật Bản ở mức 6.065 USD/tấn, tăng 4,5% so với tháng 12/2024 và

tăng 68,6% so với tháng 01/2024. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu cà phê từ Việt Nam vào Nhật Bản trong tháng 01/2025 tăng mạnh nhất, tăng 106,2% so với tháng 01/2024, lên mức 5.771 USD/tấn.

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu cà phê vào thị trường Nhật Bản qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của cơ quan Hải quan Nhật Bản

Về cơ cấu nguồn cung

Tháng đầu năm 2025, Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ 43 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, Nhật Bản tăng lượng nhập khẩu từ Bra-xin, Ê-ti-ô-pi-a, Tan-za-ni-a và giảm nhập khẩu từ Việt Nam, Cô-lôm-bi-a. Cụ thể:

Bra-xin là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Nhật Bản trong tháng đầu năm 2025, đạt 11,4 nghìn tấn, trị giá 60,5 triệu USD, tăng 14,5% về lượng và tăng 75,4% về trị giá so với tháng 01/2024. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tăng từ mức 30,25% trong tháng 01/2024 lên mức 38,48% trong tháng 01/2025.

Tiếp theo là Việt Nam, trong tháng đầu năm 2025, lượng cà phê nhập khẩu từ Việt Nam vào Nhật Bản đạt 9,3 nghìn tấn, trị giá 53,9 triệu USD, giảm 30,6% về lượng nhưng tăng 43,1% về trị giá so với tháng 01/2024.

Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản giảm từ 41,03% trong tháng 01/2024 xuống mức 31,61% trong tháng 01/2025.

Cô-lôm-bi-a là nguồn cung cà phê đứng thứ 3 cho Nhật Bản, trong tháng đầu năm 2025 đạt 2,2 nghìn tấn, trị giá 15,1 triệu USD, giảm 34,7% về lượng nhưng tăng 4,4% về trị giá so với tháng 01/2024. Thị phần cà phê của Cô-lôm-bi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản giảm từ 10,03% trong tháng 01/2024 xuống mức 7,28% trong tháng 01/2025.

Theo <https://www.renub.com>, tiêu thụ cà phê của Nhật Bản dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ 0,47% trong giai đoạn năm 2025 - 2033 và ước tính đạt 5,66 tỷ USD vào năm 2033, từ mức 5,43 tỷ USD vào năm 2024. Nhu cầu về cà phê gia tăng cùng với sự phát triển của các quán cà phê đặc sản, sở thích đối với các sản phẩm cà phê cao cấp và tiện lợi của người tiêu dùng Nhật Bản do

lối sống và thị hiếu đang thay đổi.

Để xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản tăng trưởng trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng, xây dựng chuỗi cung ứng hiệu quả, không chỉ tăng cường sự gắn kết giữa nông dân,

doanh nghiệp và nhà phân phối, mà còn giúp nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường Nhật Bản. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, bảo quản, tối ưu hóa hệ thống logistics và tiếp cận thị trường.

5 nguồn cung cà phê (mã HS 0901) lớn nhất cho Nhật Bản tháng 1/2025

(Tỷ giá: 1 Yên = 0,006739 USD)

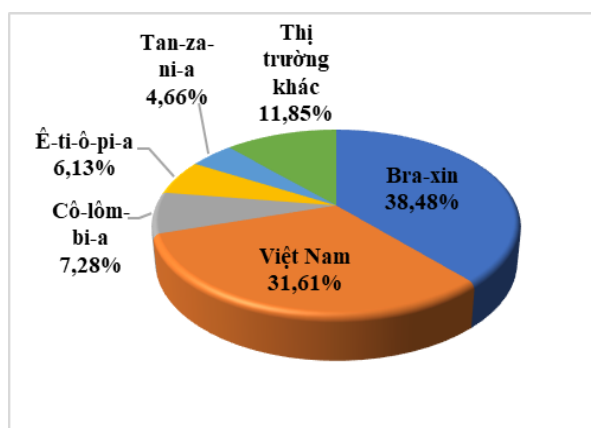
Thị trường	Tháng 1/2025				So với tháng 1/2024 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	29.568	26.611.689	179.336	6.065	-10,0	51,8	68,6
Bra-xin	11.376	8.979.018	60.510	5.319	14,5	75,4	53,2
Việt Nam	9.348	8.004.800	53.944	5.771	-30,6	43,1	106,2
Cô-lôm-bi-a	2.151	2.235.629	15.066	7.004	-34,7	4,4	59,7
Ê-ti-ô-pi-a	1.811	1.464.033	9.866	5.447	12,2	30,8	16,6
Tan-za-ni-a	1.379	1.350.237	9.099	6.600	25,9	99,0	58,0
Thị trường khác	3.502	4.577.972	30.851	8.808	2,1	58,9	55,6

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

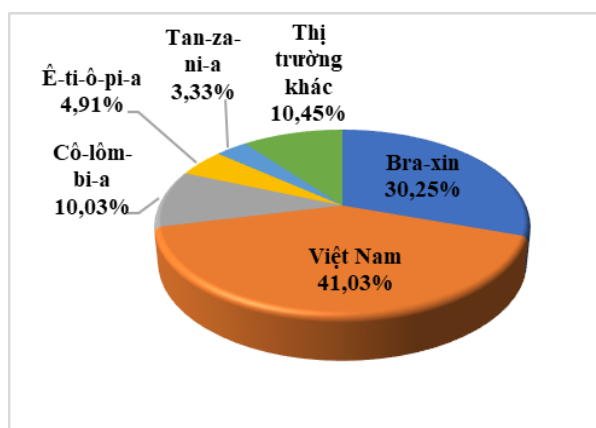
Cơ cấu thị trường cung cấp cà phê cho Nhật Bản

(Tỷ trọng % tính theo lượng)

Tháng 1/2025



Tháng 1/2024



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Hiệp hội hạt điều Căm-pu-chia dự báo sản lượng hạt điều trong năm 2025 của nước này đạt từ 700 – 900 nghìn tấn.
- ▶ Năm 2025, sản lượng điều của Bờ Biển Ngà dự kiến đạt 1,15 triệu tấn, tăng 20% so với năm 2024.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm 27,4% về lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Tháng 01/2025, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng tốt; Thị phần hạt điều Việt Nam chiếm 87,81% trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ.



THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Căm-pu-chia: Căm-pu-chia đang nỗ lực trở thành nước sản xuất hạt điều hàng đầu thế giới vào năm 2030. Chính phủ nước này dự kiến kế hoạch thành lập khu công nghiệp chế biến điều đầu tiên, một phần trong nỗ lực phát triển công nghiệp chế biến nói chung tại Căm-pu-chia. Khu chế biến điều dự kiến được triển khai tại tỉnh Kampong

Thom, địa phương có diện tích trồng điều lớn nhất Căm-pu-chia, với tổng diện tích khoảng 600 héc-ta. Hiệp hội hạt điều Căm-pu-chia (CAC) dự báo sản lượng hạt điều của quốc gia này đạt khoảng 700.000 - 900.000 tấn trong năm 2025, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết. Căm-pu-chia đứng thứ ba trên toàn cầu về diện tích trồng

điều, với ước tính 580.117 ha được phân bổ cho loại cây trồng này. Tỉnh Kampong Thom sở hữu diện tích canh tác điều lớn nhất, khoảng 147.700 ha, tiếp theo là Kratie với 102.500 ha và Ratanakiri với 97.200 ha. Năm 2024, tổng sản lượng điều theo thống kê chính thức của Căm-pu-chia đạt 850.000 tấn, tăng 26,8% so với năm 2023; trong đó, Căm-pu-chia xuất khẩu được 815.000 tấn hạt điều, tăng 31% so với năm 2023.

Bờ Biển Ngà: Bờ Biển Ngà là nước chế biến hạt điều lớn thứ ba thế giới và là nước cung cấp nhân hạt điều lớn thứ hai thế giới. Trong vụ thu hoạch năm 2025, sản lượng hạt điều của nước này dự báo tăng 20% so với năm 2024. Theo Bộ Nông nghiệp Bờ Biển Ngà, vụ thu hoạch năm 2025 dự kiến sản lượng điều của nước này đạt khoảng 1,15 triệu tấn, tăng so với mức 944.667 tấn của năm 2024. Nguồn cung cho các nhà chế biến dự kiến là 400 nghìn tấn, tăng khoảng 16% so với vụ năm 2024. Hiện chỉ có 34,78% sản lượng điều của Bờ Biển Ngà được chế biến tại địa phương, và chính phủ nước này đã đặt mục tiêu nâng tỷ lệ này lên 50% vào năm 2030. Năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Bờ Biển Ngà đạt hơn 600 nghìn tấn, giảm 29,3% so với năm 2023.

In-đô-nê-xi-a: Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), năm 2024, xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a đạt 66,98 nghìn tấn, trị giá 126,38 triệu USD, tăng 90,2% về lượng và tăng 130,8% về trị giá so với năm 2023. Trong đó, Việt Nam, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đức và Ma-lai-xi-a là 5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của In-đô-nê-xi-a

trong năm 2024. Trong đó, Việt Nam là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của In-đô-nê-xi-a trong năm 2024, chiếm 74,61% về lượng và chiếm 62,44% về trị giá trong tổng xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a, đạt 49,97 nghìn tấn, trị giá 78,91 triệu USD, tăng 84,3% về lượng và tăng 154,4% về trị giá so với năm 2023. Đứng thứ hai là Ấn Độ đạt 12,41 nghìn tấn, trị giá 22,07 triệu USD, tăng 122,6% về lượng và tăng 229,4% về trị giá so với năm 2023. Đứng thứ ba là Hoa Kỳ đạt 1,14 nghìn tấn, trị giá 5,58 triệu USD, tăng 440,1% về lượng và tăng 375% về trị giá so với năm 2023. Năm 2024, xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a sang các thị trường xuất khẩu lớn nhất đều tăng cả về lượng và trị giá so với năm 2023 như: Việt Nam, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đức, Ma-lai-xi-a, Hà Lan, Xin-ga-po, Băng-la-đét; Trong khi xuất khẩu sang một số thị trường giảm như: Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan...

Tan-za-ni-a: Trong vụ thu hoạch năm 2024/25, sản lượng hạt điều của Tan-za-ni-a đạt 408.600 tấn, tăng 34% so với vụ thu hoạch trước. Mặc dù con số này thấp hơn dự báo ban đầu của chính phủ là 595.000 tấn, nhưng mức tăng sản lượng vẫn được coi là kết quả tích cực cho ngành nông nghiệp Tan-za-ni-a. Trong đó, khoảng 337.700 tấn (tương đương khoảng 83%) tổng sản lượng hạt điều thu hoạch được xuất khẩu.

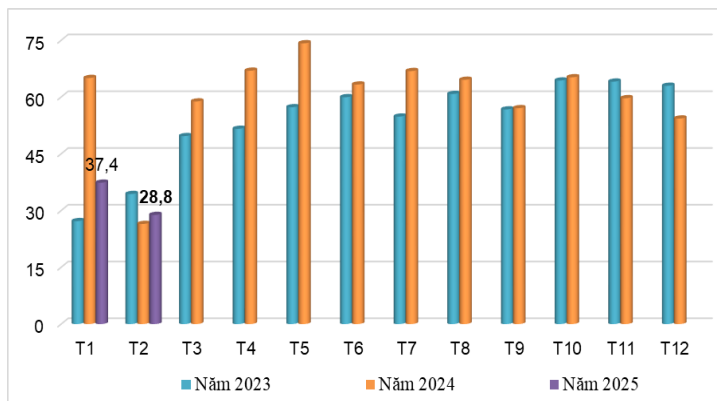


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 02/2025, Việt Nam xuất khẩu được 28,84 nghìn tấn hạt điều, với trị giá 199,63 triệu USD, giảm 22,8% về lượng và giảm 21,5% về trị giá so với tháng 01/2025; Tuy nhiên so với tháng 02/2024 vẫn tăng

9% về lượng và tăng 41,4% về trị giá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu được 66,39 nghìn tấn hạt điều, với trị giá 455,38 triệu USD, giảm 27,4% về lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng năm 2022 – 2025 (ĐVT: Nghìn tấn)

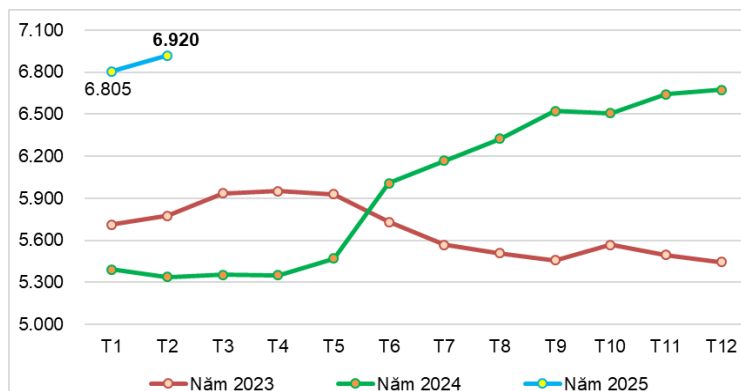


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

+ Về giá xuất khẩu: Giá xuất khẩu điều tiếp tục tăng mạnh. Tháng 02/2025, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.920 USD/tấn, tăng 1,7% so với tháng 01/2025 và tăng 29,8% so với tháng

02/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.859 USD/tấn, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm ngoái, phản ánh xu hướng thị trường toàn cầu.

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Cơ cấu thị trường: Tháng 02/2025, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hà Lan, Đức và Anh là 5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam. Trong đó, trừ Hoa Kỳ, lượng hạt điều xuất khẩu sang các thị trường còn lại đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024. Đáng chú ý là xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc tăng mạnh nhất, đạt 4,14 nghìn tấn, trị giá 26,55 triệu USD, tăng 105,6% về lượng và tăng 129,5% về trị giá so với tháng 02/2024.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, lượng hạt điều xuất khẩu sang hầu hết các thị trường đều giảm 2 con số so với cùng kỳ năm 2024 như: Hoa Kỳ giảm 33,3%; Trung Quốc giảm 55,7%; Đức giảm 18,4%; Anh giảm 28%; UAE giảm 36,7%; Úc giảm 45,7%;

Ca-na-đa giảm 37,5%... Tuy nhiên xuất khẩu sang một số thị trường như Hà Lan, Pháp, Ấn Độ... vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Hạt điều ngày càng được sử dụng nhiều trong ngành thực phẩm, đồ uống và sản phẩm chế biến, thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ trên toàn thế giới. Dự báo từ tháng 4 đến tháng 5 tới, khi mùa vụ mới bắt đầu, thị trường sẽ trở nên sôi động hơn. Ngành điều Việt Nam kỳ vọng sẽ đạt được mục tiêu xuất khẩu khoảng 4,5 tỷ USD trong năm 2025. Để đạt được điều này, ngành điều cần tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa thị trường và tăng cường xúc tiến thương mại, đồng thời chủ động nắm bắt thông tin thị trường và điều chỉnh chiến lược kinh doanh linh hoạt.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong tháng 02/2025 và 2 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 02/2025		So với tháng 02/2024 (%)		2 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	2 tháng năm 2024	2 tháng năm 2025
Tổng	28.848	199.636	9,0	41,4	66.390	455.384	-27,4	-7,4	100	100
Hoa Kỳ	6.963	48.710	-5,7	23,4	15.332	103.560	-33,3	-14,5	25,12	23,09
Trung Quốc	4.142	26.554	105,6	129,5	6.932	44.559	-55,7	-50	17,11	10,44
Hà Lan	2.999	21.008	52,6	87,6	7.237	50.783	15	43,5	6,88	10,9
Đức	1.204	8.223	23,1	53,5	2.700	18.622	-18,4	4,8	3,62	4,07
Anh	1.076	7.020	24,5	59	2.185	14.260	-28	-6	3,32	3,29
UAE	911	6.838	-8,6	29,9	2.599	19.482	-36,7	-13,8	4,49	3,91
Pháp	780	5.884	30	68,8	1.617	12.239	9,7	46,1	1,61	2,44
Úc	718	4.660	-34,1	-17,9	1.551	9.765	-45,7	-33,4	3,12	2,34
Litva	696	5.118	3,3	40,8	1.380	10.056	-16,8	12,3	1,81	2,08
Ca-na-đa	614	4.479	-46,7	-30,3	1.543	10.824	-37,5	-23,8	2,7	2,32
Thị trường khác	8.745	61.143	0	36,9	23.314	161.233	-15,7	11,5	30,22	35,12

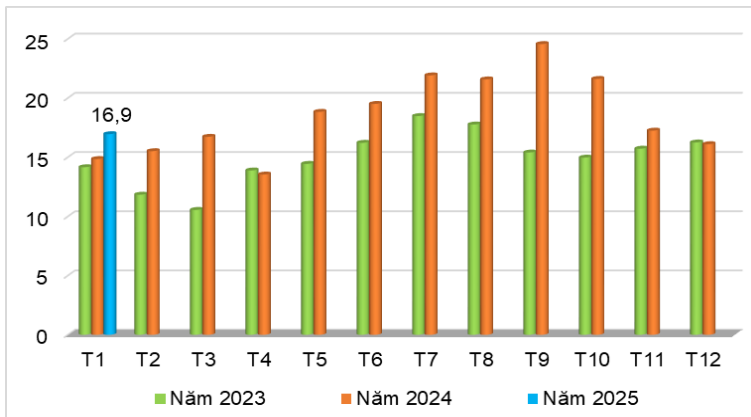
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng trong tháng đầu tiên của năm 2025. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu 16,95 nghìn tấn hạt điều (HS: 080131, 080132, 2008191040), với trị giá 118,89 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 42,4% về trị giá so với tháng 01/2024.

Giá bình quân nhập khẩu hạt điều vào Hoa Kỳ đạt mức 7.015 USD/tấn, tăng 24,7% so với tháng 01/2024. Trong đó, Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Ấn Độ, Thái Lan và Bra-xin là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ. Trừ Bờ Biển Ngà, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ từ các thị trường còn lại đều tăng so với tháng 01/2024.

Lượng hạt điều nhập khẩu của Hoa Kỳ qua các tháng năm 2023-2025
(ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Nhu cầu hạt điều của Hoa Kỳ tăng do xu hướng tiêu dùng các sản phẩm lành mạnh, giàu dinh dưỡng đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng hạt điều trong các sản phẩm thực phẩm và đồ uống. Năm 2024, Hoa Kỳ đã nhập khẩu 221,96 nghìn tấn hạt điều, trị giá 1,36 tỷ USD, tăng 23,6% về lượng và tăng 25,4% về trị giá so với năm 2023. Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Ấn Độ, Thái Lan và Bra-xin là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ. Trừ Thái Lan và Bra-xin, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ từ các thị trường còn lại đều tăng so với năm 2023.

+ Cơ cấu nguồn cung: Trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều từ 22 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Hoa Kỳ. Trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam 14,88 nghìn tấn hạt điều, với trị giá 102,45 triệu USD, tăng 14,7% về lượng và tăng 45% về trị giá so với tháng 01/2024. Giá bình quân nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt mức 6.884 USD/tấn, tăng 26,4% so với tháng 01/2024. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 87,81% về lượng và chiếm 86,17% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ

trong tháng 01/2025.

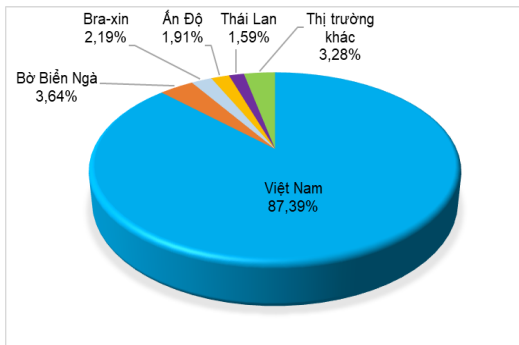
Đứng thứ hai là Bờ Biển Ngà, trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu 499 tấn hạt điều từ Bờ Biển Ngà, với trị giá 3,14 triệu USD, giảm 7,7% về lượng, nhưng tăng 17,7%

về trị giá so với tháng 01/2024. Thị phần hạt điều của Bờ Biển Ngà chiếm 2,94% về lượng và chiếm 2,64% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ trong tháng 01/2025.

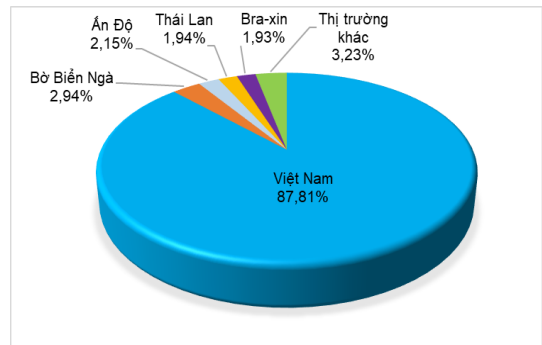
Cơ cấu thị trường cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ

(Tỷ trọng % tính theo lượng)

Tháng 01/2024



Tháng 01/2025



+ **Chủng loại nhập khẩu:** Trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu chủ yếu là hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ (HS 080132) và hạt điều chế biến (HS 2008191040). Trong đó, nhập khẩu hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ nhiều nhất, đạt 12,3 nghìn tấn, với trị giá 82,96 triệu USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 32,5% về trị giá so với tháng 01/2024. Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Bra-xin, Thái Lan và Ấn Độ là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ cho Hoa Kỳ. Trừ Bờ Biển Ngà và Ấn Độ, lượng hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ nhập khẩu vào Hoa Kỳ từ các thị trường còn lại đều tăng so với tháng 01/2024.

Việt Nam vẫn là nguồn cung hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ lớn nhất cho Hoa Kỳ. Tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ
điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ từ Việt Nam đạt gần 10,95 nghìn tấn, với trị giá 73,55 triệu USD, tăng 5,1% về lượng và tăng 33,9% về trị giá so với tháng 01/2024. Thị phần hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ của Việt Nam chiếm 89,01% về lượng và chiếm 88,66% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ của Hoa Kỳ trong tháng 01/2025.

Với hạt điều chế biến, trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu gần 4,65 nghìn tấn hạt điều chế biến, với trị giá 35,92 triệu USD, tăng 51,8% về lượng và tăng 71,9% về trị giá so với tháng 01/2024. Trong đó, Việt Nam, Ấn Độ, Ca-na-đa và Thái Lan là các thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều chế biến cho Hoa Kỳ, nhập khẩu từ các thị trường này đều tăng mạnh so với tháng 01/2024.

Việt Nam cũng là nguồn cung hạt điều chế biến lớn nhất cho Hoa Kỳ. Tháng 01/2025, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều chế biến từ Việt Nam đạt 3,93 nghìn tấn, với trị giá 28,9 triệu USD, tăng 53,9% về lượng và tăng 83,8% về trị giá so với tháng 01/2024. Thị phần hạt điều chế biến của Việt Nam chiếm 84,66% về lượng và chiếm 80,48% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều chế biến của Hoa Kỳ trong tháng 01/2025.

Thị trường hạt điều chế biến tại Hoa Kỳ dự kiến đạt 693,3 triệu USD vào năm 2025 và tăng lên 1.351,2 triệu USD vào năm 2035, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt

6,9%/năm trong giai đoạn 2025-2035. Thị trường hạt điều chế biến tại Hoa Kỳ đang tăng trưởng mạnh nhờ nhu cầu ngày càng cao đối với thực phẩm bổ dưỡng, có nguồn gốc thực vật và chế biến thuận tiện. Người tiêu dùng ưa chuộng các sản phẩm có nhãn mác rõ ràng, minh bạch và bền vững, giúp hạt điều trở nên phổ biến trong chế biến đồ ăn nhẹ, các sản phẩm thay thế sữa và bánh kẹo. Ngành chế biến hạt điều tại Hoa Kỳ có tính cạnh tranh cao, với sự tham gia của cả các công ty lớn và cả các thương hiệu nhỏ đang phát triển. Để thu hút khách hàng, doanh nghiệp cần tập trung vào đổi mới sản phẩm, bao bì và hương vị.

Thị trường cung cấp hạt điều cho Hoa Kỳ trong tháng 01/2025

Mặt hàng - Thị trường	Tháng 01/2025			So với tháng 01/2024 (%)			Tỷ trọng theo lượng tháng 1 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2024	Năm 2025
Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ (HS 080131)	2	18	8.822					100
Ấn Độ	2	18	8.822					100
Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ (HS 080132)	12.301	82.958	6.744	4,4	32,5	27,0	100	100
Việt Nam	10.949	73.548	6.717	5,1	33,9	27,4	88,40	89,01
Bờ Biển Ngà	499	3.143	6.299	-7,7	17,7	27,5	4,59	4,06
Bra-xin	328	1.943	5.931	0,7	0,0	-0,6	2,76	2,66
Thái Lan	113	1.352	11.917	83,7	119,9	19,7	0,52	0,92
Ấn Độ	105	940	8.916	-9,6	24,4	37,7	0,99	0,86
Thị trường khác	306	2.032	6.631	-5,1	21,5	28,0	2,74	2,49
Hạt điều chế biến (HS 2008191040)	4.647	35.917	7.730	51,8	71,9	13,2	100	100
Việt Nam	3.934	28.904	7.347	53,9	83,8	19,4	83,52	84,66
Ấn Độ	257	2.199	8.564	54,3	29,8	-15,9	5,44	5,53
Ca-na-đa	220	1.881	8.534	47,8	24,8	-15,6	4,87	4,74
Thái Lan	216	2.761	12.791	23,8	51,5	22,4	5,70	4,65
Mô-dăm-bích	16	134	8.307				-	0,35
Thị trường khác	4	37	10.626	-75,8	-74,1	7,1	0,48	0,08
Tổng	16.950	118.893	7.015	14,2	42,4	24,7	100	100

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Thái Lan đang tích cực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu trái cây, hướng đến các thị trường mới như Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan và Anh.
- ▶ Theo Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin (PSA), xuất khẩu dứa của nước này năm 2024 đạt khoảng 787,12 triệu USD, tăng 7,5% so với năm 2023.
- ▶ Năm 2024, Tây Ban Nha nhập khẩu trái cây và rau quả tươi tăng 6% so với năm 2023.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 686,9 triệu USD, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Thị phần hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản tháng 01/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Thái Lan: Theo Văn phòng Chính sách và Chiến lược Thương mại Thái Lan (TPSO), xuất khẩu trái cây của nước này đã tăng đáng kể vào năm 2024, đạt 6,51 tỷ USD. Trong đó, sầu riêng là mặt hàng trái cây xuất khẩu hàng đầu, đạt 3,79 tỷ USD.

Trái cây tươi chiếm phần lớn trị giá xuất khẩu trái cây của Thái Lan trong năm 2024,

đạt 5,15 tỷ USD. Các loại trái cây xuất khẩu nhiều nhất bao gồm sầu riêng, nhãn, măng cụt, dứa non và xoài. Riêng sầu riêng chiếm 72,9% doanh thu xuất khẩu trái cây tươi, trong đó xuất khẩu tới thị trường Trung Quốc chiếm 97,4%, tiếp theo là xuất khẩu tới Hồng Kông, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a và Hoa Kỳ.

Xuất khẩu nhãn của Thái Lan năm 2024 đạt 527.927 tấn, trị giá 571 triệu USD, trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 73,1%. Các thị trường chính khác bao gồm In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a và Ấn Độ.

Xuất khẩu măng cụt của Thái Lan năm 2024 đạt 284.860 tấn, trị giá 491 triệu USD, trong đó trị giá xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 91%, tiếp theo là Việt Nam, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất.

Năm 2024, Thái Lan xuất khẩu 257.428 tấn dứa non, trị giá 217 triệu USD, chủ yếu sang Trung Quốc (chiếm 82,7%), các thị trường lớn tiếp theo gồm Hoa Kỳ, Hồng Kông, Singapore và Hà Lan.

Xuất khẩu xoài của Thái Lan năm 2024 đạt 106.753 tấn, trị giá 33 triệu USD, xuất khẩu nhiều nhất tới Hàn Quốc (chiếm 61,8%), tiếp theo là Ma-lai-xi-a, Nhật Bản, Việt Nam và Lào.

Chính sách nhập khẩu chặt chẽ hơn và sự cạnh tranh ngày càng cao tại thị trường Trung Quốc đang làm tăng thêm thách thức cho các nhà xuất khẩu Thái Lan. Để giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, Thái Lan đang tích cực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, hướng đến các thị trường mới như Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan và Anh. Bộ Thương mại Thái Lan cũng đang tập trung vào phát triển các sản phẩm trái cây có giá trị gia tăng, điều tiết sản xuất và thực hiện các chiến lược để duy trì xuất khẩu ổn định trong một thị trường cạnh tranh.

- Phi-lip-pin: Theo Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin (PSA), xuất khẩu dứa của nước này năm 2024 đạt khoảng 787,12 triệu USD, tăng 7,5% so với năm 2023.

Trong đó, xuất khẩu dứa tươi hoặc khô đóng góp hơn một nửa trị giá xuất khẩu, đạt 428,74 triệu USD với 675,54 nghìn tấn; xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 42% về lượng, đạt 282,46 nghìn tấn.

Trị giá xuất khẩu dứa chế biến hoặc bảo quản của Phi-lip-pin năm 2024 tăng 2% lên 220,49 triệu USD, trong khi xuất khẩu nước ép dứa chưa lên men tăng 35% lên 101,68 triệu USD. Tuy nhiên, xuất khẩu nước ép dứa có giá trị "brix" không quá 20 giảm xuống còn 36,21 triệu USD.

- Ma-lai-xi-a: Theo Cơ quan Tiếp thị Nông nghiệp Liên bang, xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a sang Trung Quốc dự kiến sẽ tăng 20-25% trong năm nay, nhờ nhu cầu tăng, mở rộng canh tác và cải thiện quan hệ thương mại. Chủ tịch Hiệp hội xuất khẩu sầu riêng Ma-lai-xi-a đã kêu gọi chính phủ nước này thực hiện chính sách cấm việc cắt trước sầu riêng để duy trì chất lượng của sản phẩm. Nông dân ở Thái Lan và Việt Nam thường cắt quả trước khi chín để thuận tiện hơn trong quá trình vận chuyển, nhưng sầu riêng Ma-lai-xi-a phải để chín tự nhiên và chỉ được thu hoạch sau khi chúng rụng khỏi cây. Chủ tịch Hiệp hội xuất khẩu sầu riêng Ma-lai-xi-a nhấn mạnh rằng quá trình chín tự nhiên này tạo ra sản phẩm không chứa hóa chất, được đánh giá cao ở thị trường Trung Quốc.

- Tây Ban Nha: Năm 2024, Tây Ban Nha nhập khẩu 4,3 triệu tấn trái cây và rau quả tươi, tăng 6% so với năm 2023. Trong đó, 51% trái cây và rau quả tươi nhập khẩu của Tây Ban Nha (tương đương 2,2 triệu tấn) đến từ các nước ngoài EU và 49% (tương đương 2,1 triệu tấn) đến từ EU. Tổng trị giá nhập khẩu trái cây và rau quả tươi của Tây Ban Nha năm 2024 đạt 5,001 triệu Euro, trong đó 66% đến từ các nước ngoài EU.

Năm 2024, khối lượng nhập khẩu trái cây và rau quả của Tây Ban Nha từ các nước EU tăng nhiều hơn so với các nước ngoài EU. Nhập khẩu trái cây và rau quả từ các quốc gia thành viên khác tăng 12% lên 2,1 triệu tấn và nhập khẩu từ các nước ngoài EU tăng 2% so với năm 2023, đạt tổng cộng 2,2 triệu tấn.

Ngược lại, trị giá nhập khẩu trái cây và rau quả tươi từ các nước ngoài EU tăng 12%, đạt 3.295 triệu Euro, chiếm 66% tổng giá trị; trong khi nhập khẩu từ các nước EU chỉ tăng 9%, đạt 1.706 triệu Euro và chiếm 34% tổng giá trị.

Pháp là nhà cung cấp hàng đầu trái cây

và rau quả tươi cho Tây Ban Nha vào năm 2024 với 1,1 triệu tấn, tiếp theo là Ma-rốc với 455.086 tấn.

(Trái cây và rau quả tươi gồm mã HS 07 (phân nhóm 0701 đến 0709) và 08 (phân nhóm 0803 đến 0810)).

- Trung Quốc: Nhập khẩu chuối của Trung Quốc có xu hướng giảm do những tiến bộ trong kỹ thuật canh tác đã giúp một số vùng của Trung Quốc tăng diện tích trồng trọt, thúc đẩy sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc của Trung Quốc vào hàng nhập khẩu. Hơn nữa, sự đa dạng ngày càng tăng của các loại trái cây có sẵn trên thị trường đã làm giảm thị phần mà chuối từng nắm giữ. Bên cạnh những tác động của biến động kinh tế đối với sức mua của người tiêu dùng cũng góp phần làm giảm nhu cầu chung về chuối.

Với xu hướng hiện tại, lượng chuối nhập khẩu của Trung Quốc vào năm 2025 được dự báo duy trì ở mức từ 1,6 - 1,7 triệu tấn, tiếp tục xu hướng giảm, một phần do sản xuất chuối trong nước đang tiến triển tốt, với sản lượng dự kiến sẽ tăng hơn nữa.



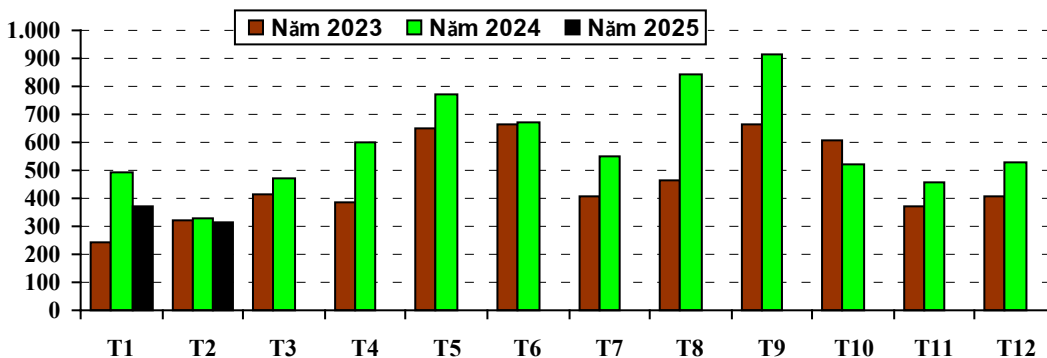
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 02/2025 đạt 313,97 triệu USD, giảm 35,7% so với tháng 01/2025 và giảm

so với tháng 02/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 686,9 triệu USD, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2023 – 2025

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm trong xuất khẩu hàng rau quả trong 2 tháng đầu năm 2025 là vì sản lượng sầu riêng xuất khẩu (mặt hàng chủ lực, đóng góp gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành) đã sụt giảm đáng kể khi các thị trường nhập khẩu siết chặt quy định kiểm dịch và an toàn thực phẩm. Tính đến giữa tháng 2/2025, Việt Nam chỉ xuất khẩu 3.500 tấn sầu riêng (giảm 80% so với cùng kỳ năm 2024).

Thời gian qua, các các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU)... đã tăng cường kiểm soát chất lượng đối với sầu riêng Việt Nam. Đặc biệt là tại Trung Quốc, thị trường tiêu thụ sầu riêng Việt Nam lớn nhất. Từ ngày 10/1/2025, quốc gia này yêu cầu các lô hàng sầu riêng xuất khẩu của Việt Nam phải

có giấy kiểm định chứng minh không chứa chất vàng O (hợp chất có nguy cơ gây ung thư). Điều này khiến quy trình thông quan kéo dài, tăng nguy cơ hư hỏng hàng hóa, nên nhiều doanh nghiệp phải đưa hàng về tiêu thụ ở thị trường nội địa.

Đồng thời, Mỹ có quy định yêu cầu doanh nghiệp đăng ký cơ sở sản xuất và đại diện tại nước này. Hai năm một lần, doanh nghiệp phải tái đăng ký để được cấp mã số kinh doanh hợp lệ. Bên cạnh đó, vùng trồng và chế biến phải đáp ứng các tiêu chuẩn như GlobalGAP, ISO, HACCP, USDA. Nông sản không được tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, nhiễm vi sinh vật, vi khuẩn hay nấm mốc. Quá trình thu hoạch nông sản phải đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu nhập khẩu.

Ngoài ra, kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài cũng đã làm gián đoạn hoạt động xuất khẩu. Sự gián đoạn này đã góp phần làm cho kim ngạch xuất khẩu rau quả trong 2 tháng đầu năm 2025 giảm.

Cơ cấu thị trường:

Tháng 02/2025 so với tháng 01/2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang một số thị trường truyền thống và tiềm năng giảm, gồm: Trung Quốc, Thái Lan, Úc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất... Trái lại, xuất khẩu rau quả tăng tới các thị trường: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản và thị trường Đài Loan. So với tháng 02/2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường: Trung Quốc, UAE, Hà Lan giảm; nhưng xuất khẩu tới các thị trường: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Úc và thị trường Đài Loan tăng khá mạnh.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn đều biến động so với cùng kỳ năm 2024. Đáng chú ý, xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Trung Quốc giảm khá mạnh, đạt 305,8 triệu USD, chiếm 44,5% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này, giảm 38,9% so với cùng kỳ năm 2024.



Trong khi đó, xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ lại tăng mạnh, đạt 65,6 triệu USD, chiếm 9,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả, tăng 65,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu rau quả lớn thứ hai của Việt Nam, sau Trung Quốc. Dừa, thanh long, xoài và hạnh nhân các mặt hàng có tỷ trọng đóng góp lớn nhất trong tổng kim ngạch rau quả Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Hàng rau quả xuất khẩu sang Hoa Kỳ có được thuận lợi nhờ cộng đồng người Việt đông đảo tại các đô thị lớn. Tuy nhiên, khoảng cách địa lý ảnh hưởng đến chất lượng và giá, khiến xuất khẩu khó đạt tỷ USD như thị trường Trung Quốc.

Trong 2 tháng đầu năm 2025, hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu tăng trưởng khả quan sang một số thị trường lớn như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Úc và thị trường Đài Loan... Trong khi xuất khẩu tới các thị trường: Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và Hà Lan đang có xu hướng giảm.

2 tháng đầu năm 2025, ngành hàng rau quả của Việt Nam đã tích cực khai thác nhiều thị trường tiềm năng, đặc biệt là các thị trường lớn như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Úc. Sự nỗ lực này không chỉ nhằm tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu mà còn để khẳng định vị thế của hàng rau quả Việt Nam trên thị trường quốc tế. Những nỗ lực này không chỉ giúp gia tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn tạo ra cơ hội cho việc phát triển bền vững ngành hàng rau quả Việt Nam trong thời gian tới.

10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2025

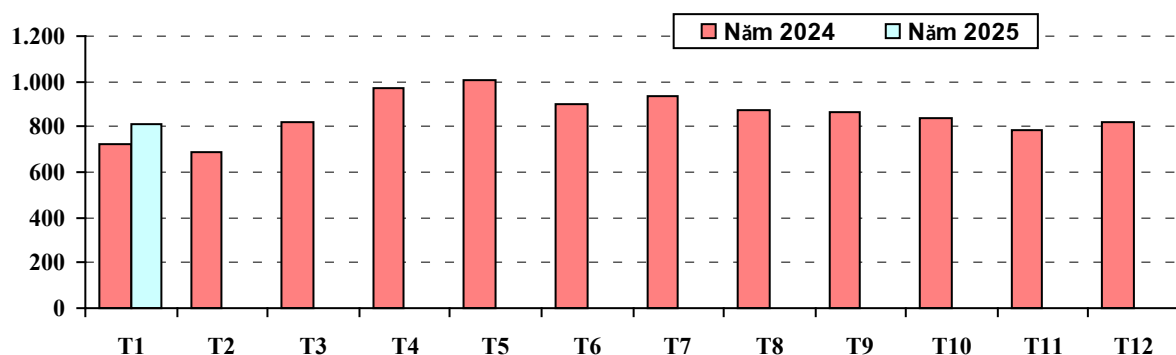
Thị trường	Tháng 02/2025 (nghìn USD)	So với tháng 01/2025 (%)	So với tháng 01/2024 (%)	2 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng	
						2 tháng năm 2025	2 tháng năm 2024
Tổng	313.972	-35,7	-3,5	686.899	-15,6	100,0	100,0
Trung Quốc	132.963	-23,6	-32,0	305.771	-38,9	44,5	61,5
Mỹ	34.448	10,2	101,1	65.621	65,5	9,6	4,9
Hàn Quốc	22.397	19,8	16,4	41.098	0,1	6,0	5,0
Nhật Bản	17.012	4,4	66,3	33.311	22,9	4,8	3,3
Thái Lan	11.465	-42,1	16,4	31.273	9,1	4,6	3,5
Úc	7.955	-11,4	26,9	16.971	11,0	2,5	1,9
Đài Loan	8.133	26,2	97,5	14.575	9,4	2,1	1,6
UAE	5.414	-33,6	-8,1	13.562	-4,8	2,0	1,8
Ma-lai-xi-a	6.498	26,1	58,1	11.647	35,4	1,7	1,1
Hà Lan	5.293	-8,0	-30,9	11.059	-28,2	1,6	1,9

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU RAU QUẢ CỦA NHẬT BẢN TRONG THÁNG 01/2025 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của ITC, kim ngạch nhập khẩu hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (mã HS 06, 07, 08 – không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132 và HS 20) của Nhật Bản trong tháng 01/2025 đạt 809,8 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng 12/2024, nhưng tăng 11,3% so với tháng 01/2024.

Trị giá nhập khẩu rau quả vào thị trường Nhật Bản giai đoạn 2024 – 2025 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: ITC

Trung Quốc là thị trường cung cấp rau, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn nhất cho Nhật Bản trong tháng 01/2025, đạt 305,2 triệu USD, giảm 3,0% so với tháng 12/2024, nhưng tăng 15,7% so với tháng 01/2024.

Trong tháng 01/2025, Hoa Kỳ là thị trường cung cấp rau, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn thứ hai cho Nhật Bản, đạt 112,1 triệu USD, tăng 10,1% so với tháng 12/2024 và tăng 1,9% so với tháng 01/2024.

Việt Nam là nguồn cung rau, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn thứ năm cho Nhật Bản trong tháng 01/2025, đạt 22,1 triệu USD, giảm 8,2% so với tháng 12/2024, nhưng tăng 29,8% so với tháng 01/2024. Thị phần rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng trị giá nhập

khẩu của Nhật Bản chiếm 2,7% trong tháng 01/2025, thấp hơn so với mức 2,9% trong tháng 12/2024, nhưng cao hơn so với mức 2,3% trong tháng 01/2024.

Số liệu thống kê cho thấy, nhu cầu rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của Nhật Bản khá lớn, nhưng tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn còn rất thấp. Do đó, vẫn còn cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu hàng rau quả mở rộng thị phần tại thị trường này. Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu hàng rau quả tới Nhật Bản, các doanh nghiệp cần chú ý đây là thị trường có tiêu chuẩn rất cao đối với các loại hàng hóa nhập khẩu, nhất là trái cây. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ quy định từ thị trường Nhật Bản để đáp ứng đúng, đủ và hiệu quả.

Một số nguồn cung rau quả cho Nhật Bản trong tháng 01/2025

Thị trường	Tháng 01/2025 (nghìn USD)	So với tháng 12/2024 (%)	So với tháng 01/2024 (%)	Tỷ trọng (%)		
				Tháng 01/2025	Tháng 12/2024	Tháng 01/2024
Tổng	809.804	-1,8	11,3	100,0	100,0	100,0
Trung Quốc	305.222	-3,0	15,7	37,7	38,1	36,3
Mỹ	122.102	10,1	1,9	15,1	13,4	16,5
Philippin	59.805	-9,8	0,9	7,4	8,0	8,1
Mêhicô	33.123	-17,1	1,0	4,1	4,8	4,5
Việt Nam	22.053	-8,2	29,8	2,7	2,9	2,3
Braxin	21.384	37,4	44,7	2,6	1,9	2,0
Thái Lan	20.969	-13,8	2,6	2,6	2,9	2,8
Hàn Quốc	20.758	-17,2	14,8	2,6	3,0	2,5
Italy	17.351	-16,1	-0,4	2,1	2,5	2,4
Chilê	16.727	39,9	-24,0	2,1	1,4	3,0

Nguồn: ITC

(* Ghi chú: Rau, củ, quả và sản phẩm chế biến có mã HS 06, 07, 08 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132) và HS 20

THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN

- ▶ *Giá sắn nguyên liệu, giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm so với cuối tháng 02/2025.*
- ▶ *Xuất khẩu sắn lát và tinh bột sắn của Thái Lan tháng 1/2025 tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2024.*
- ▶ *2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam tăng 14,9% về lượng, nhưng giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.*
- ▶ *Năm 2024, nhập khẩu sắn và tinh bột sắn của EU từ Việt Nam tăng so với năm 2023, nhưng thị phần sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu vào EU vẫn ở mức thấp.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Từ đầu tháng 3/2025 đến nay, giá sắn nguyên liệu, giá tinh bột sắn nội địa và giá tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm; trong khi giá sắn lát xuất khẩu ổn định so với cuối tháng 02/2025.

Hiệp hội Tinh bột sắn Thái Lan điều chỉnh giá sắn xuất khẩu tinh bột sắn xuống mức 430 USD/tấn, giảm 5 USD/tấn so với cuối tháng 02/2025. Giá tinh bột sắn nội địa cũng được điều chỉnh xuống mức 13,95

Baht/kg, giảm 0,5 Baht/kg so với cuối tháng 02/2025.

Ngày 18/3/2025, Hiệp hội Thương mại Khoai mì Thái Lan thông báo giá sắn nguyên liệu được điều chỉnh xuống mức 1,8-2,1 Baht/kg, giảm 0,05-0,15 Baht/kg so với cuối tháng 02/2025. Giá sắn xuất khẩu sắn lát được giữ ổn định ở mức 180-190 USD/tấn, FOB-Băng Cốc.

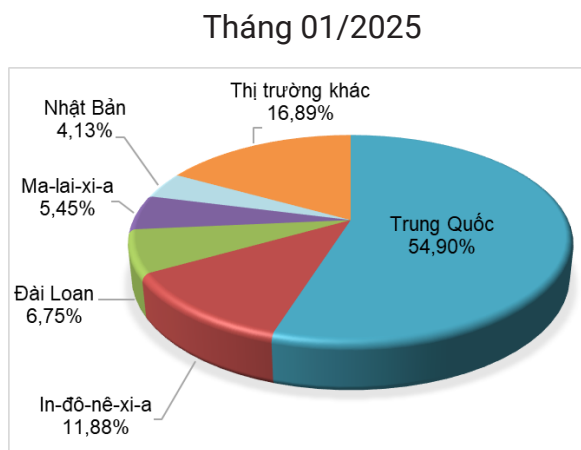
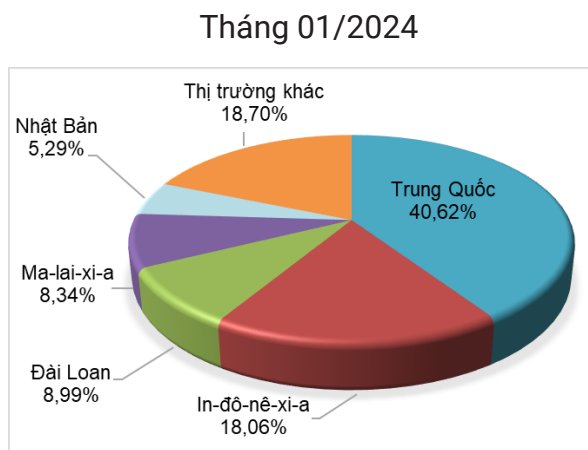
Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong tháng 01/2025, Thái Lan xuất khẩu được 221,22 nghìn tấn sản lát (mã HS 07141011), trị giá 1,38 tỷ Baht (tương đương 41,22 triệu USD), tăng 50,1% về lượng và tăng 2,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, sản lát chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc. (Tỷ giá 1 Baht = 0,02792 USD).

Trong tháng 01/2025, Thái Lan cũng xuất khẩu được 264,48 nghìn tấn tinh bột sắn (mã HS 11081400), trị giá 3,66 tỷ Baht (tương đương 108,95 triệu USD), tăng 18,7% về lượng, nhưng giảm 14,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tinh bột sắn của Thái Lan được xuất khẩu chủ yếu sang các thị

trường: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Phi-líp-pin, Xin-ga-po... Đáng chú ý, xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan sang Trung Quốc và Hoa Kỳ tăng mạnh; trong khi xuất khẩu sang các thị trường còn lại đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ tinh bột sắn lớn nhất của Thái Lan, chiếm 54,9% về lượng và chiếm 51,46% về trị giá trong tổng xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan, đạt 145,19 nghìn tấn, trị giá 1,91 tỷ Baht (tương đương 56,82 triệu USD), tăng 60,5% về lượng và tăng 11,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

**Cơ cấu thị trường tiêu thụ tinh bột sắn (mã HS 11081400) của Thái Lan
(Tỷ trọng % tính theo lượng)**



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

Lào: Thời gian qua, nông dân Lào đã tích cực tham gia trồng sắn với quy mô lớn. Sản lượng sắn chiếm tỷ trọng cao hơn các loại cây trồng hàng hóa khác và giá trị xuất khẩu nằm trong nhóm cao nhất. Năm 2024, diện tích trồng sắn của Lào đạt hơn 295.000 ha,

sản lượng đạt 7,4 triệu tấn. Các tỉnh trồng nhiều sắn tại Lào bao gồm: Xayaboury, Salavan, Sekong, Champasak, Bolikhamxay và Viêng Chăn. Hiện tại, Lào có 22 nhà máy chế biến tinh bột sắn, với tổng công suất sản xuất gần 1 triệu tấn tinh bột sắn/năm;

Nhu cầu sản tươi để cung cấp cho các nhà máy khoảng 3,7 triệu tấn/năm. Năm 2024, Lào đã xuất khẩu khoảng 2,4 triệu tấn sản, đạt giá trị hơn 440 triệu USD.

Căm-pu-chia: Mới đây, Công ty TNHH COFCO Bio-Energy - tập đoàn chế biến và kinh doanh thực phẩm lớn của Trung Quốc và Công ty TNHH Hang Harvest Agriculture - công ty có trụ sở tại tỉnh Oddar Meanchey của Căm-pu-chia đã ký biên bản ghi nhớ

(MoU) về việc mua thêm 200.000 tấn sản lát khô của Căm-pu-chia trong giai đoạn 2025-2026. Thỏa thuận này dự kiến sẽ tăng cường và mở rộng hợp tác thương mại giữa Căm-pu-chia và Trung Quốc, đồng thời thúc đẩy xuất khẩu sản của Căm-pu-chia sang thị trường Trung Quốc. Lô hàng đầu tiên gồm 5.000 tấn sản lát khô của Căm-pu-chia đã được xuất khẩu qua Cảng Bắc Hải, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc vào ngày 14/3/2025.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Do tồn kho nhà máy tăng cao, tiêu thụ chậm nên nhiều nhà máy sản có kế hoạch dừng máy nghỉ vụ sớm. Trong khi đó, do diện tích sản vụ 2024/25 ước tính tăng khoảng trên 10% so với vụ trước, sản lượng sản củ tươi chưa thu hoạch còn nhiều, dự kiến sẽ chuyển sang làm sản lát hoặc để cây sản qua vụ sau.

Tại miền Bắc, do thời tiết mưa, không thuận lợi cho việc phơi sản lát, nhiều khu vực không thể thu mua sản củ tươi để làm sản lát. Trong khi đó, lượng sản củ tươi chưa được thu hoạch còn nhiều, dự kiến giá thành phẩm sản lát có thể giảm, tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh mặt hàng này tiếp tục thu mua trữ hàng.

Theo Hiệp hội Sản Việt Nam, ngày 17/3/2025, giá sản tươi tại các tỉnh miền Bắc giảm nhẹ so với cuối tháng trước, hiện giá thu mua dao động ở mức 1.400-1.700 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với cuối tháng trước. Trong khi đó, tại các tỉnh miền Trung, giá sản tươi được thu mua ở mức

1.500-2.000 đồng/kg, giảm 50 đồng/kg so với cuối tháng trước. Giá sản tươi thu mua tại Kon Tum dao động ở mức 1.600-1.900 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Giá xuất khẩu sản lát giảm so với cuối tháng trước. Hiện giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc dao động ở mức 200 USD/tấn FOB Quy Nhơn, giảm 10 USD/tấn so với cuối tháng trước; trong khi giá xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc khoảng 265 USD/tấn FOB Quy Nhơn, giảm 10 USD/tấn so với cuối tháng trước.

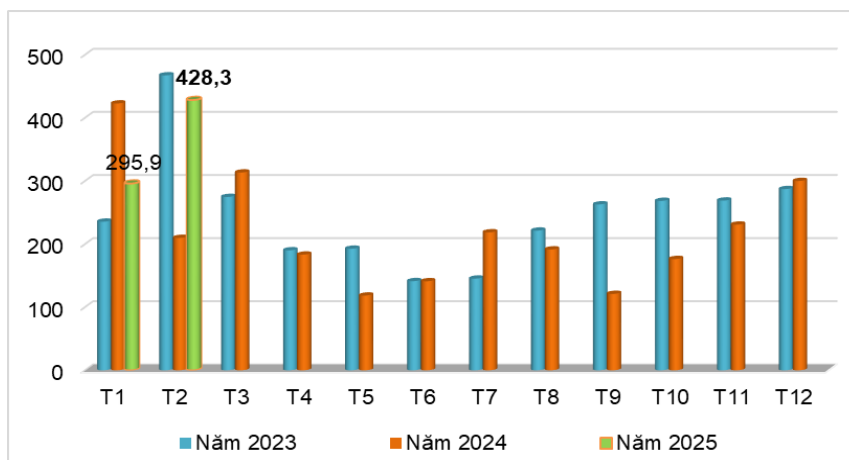
Giá tinh bột sản xuất khẩu cũng trong xu hướng giảm so với cuối tháng trước. Hiện các nhà máy Việt Nam đang chào bán tinh bột sản với mức giá trong khoảng 385-395 USD/tấn FOB cảng thành phố Hồ Chí Minh, giảm 15 USD/tấn so với cuối tháng trước. Giá tinh bột sản giao tại Móng Cái và Lạng Sơn dao động ở mức 2.800-2.920 CNY/tấn, giảm 50 CNY/tấn so với cuối tháng trước.

GIÁ XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN GIẢM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 02/2025, Việt Nam xuất khẩu được 428,35 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, với trị giá 134,52 triệu USD, tăng 44,8% về lượng và tăng 35,4% về trị giá so với tháng 01/2025; tăng tới 104,2% về

lượng và tăng 43% về trị giá so với tháng 02/2024. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 723,77 nghìn tấn, trị giá 233,7 triệu USD, tăng 14,9% về lượng, nhưng giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023-2025 (ĐVT: Nghìn tấn)



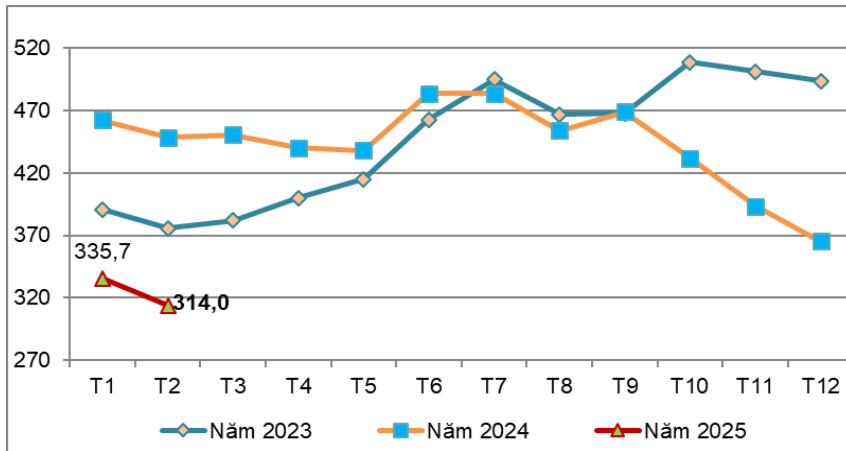
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Tính riêng mặt hàng sắn, tháng 02/2025, xuất khẩu sắn đạt 123,03 nghìn tấn, trị giá 23,63 triệu USD, tăng 136,2% về lượng và tăng 127,3% về trị giá so với tháng 01/2025; tăng 113,7% về lượng và tăng 65,1% về trị giá so với tháng 02/2024. Giá bình quân xuất khẩu sắn ở mức 192,1 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng 01/2025 và giảm 22,7% so với tháng 02/2024. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sắn đạt 174,55 nghìn tấn, trị giá 33,84 triệu USD, tăng 31,9% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Về giá xuất khẩu: Giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn liên tục giảm mạnh kể từ tháng 10/2024 đến nay. Tháng 02/2025, giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 314 USD/tấn, giảm 6,4% so với tháng 01/2025 và giảm 30% so với tháng 02/2024. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn ở mức 322,9 USD/tấn, giảm 29,4% so với cùng kỳ năm 2024.



Giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2023 - 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 02/2025, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 96,06% tổng lượng sắn xuất khẩu của cả nước, đạt 411,47 nghìn tấn, trị giá 127,1 triệu USD, tăng 46,1% về lượng và tăng 37,1% về trị giá so với tháng 01/2025; tăng 114,7% về lượng và tăng 51,5% về trị giá so với tháng 02/2024. Giá bình quân xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang Trung Quốc ở mức 308,9 USD/tấn, giảm 6,2% so với tháng 01/2025 và giảm 29,5% so với

tháng 02/2024. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 692,58 nghìn tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, với trị giá 219,64 triệu USD, tăng 17,2% về lượng, nhưng giảm 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Ngoài Trung Quốc, một số thị trường khác như Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản cũng nhập khẩu lượng lớn sắn từ Việt Nam. Đáng chú ý, xuất khẩu sắn sang Ma-lai-xi-a đã tăng 785,4% về lượng và tăng 574,6% về trị giá so với tháng 02/2024, cho thấy nhu cầu của thị trường này đang có xu hướng tăng.

Nhìn chung, trong 2 tháng đầu năm 2025, lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu sang các thị trường lớn đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 như: Trung Quốc tăng 17,2%; Ma-lai-xi-a tăng 137,6%; Phi-líp-pin tăng 18,6%; Nhật Bản tăng 511,5%...; trong khi xuất khẩu sang thị trường Đài Loan tiếp tục giảm.



Hiện nhu cầu tinh bột sắn tại Trung Quốc đang có dấu hiệu phục hồi, nhưng mức độ phục hồi vẫn còn thấp. Nguồn cung dồi dào và nhu cầu chưa thực sự tăng trưởng nên tình trạng cung vượt cầu có thể tiếp diễn. Giá tinh bột sắn được dự báo sẽ tiếp tục yếu trong ngắn hạn.

Thị trường xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Việt Nam trong tháng 02/2025 và 2 tháng đầu năm 2025

	Tháng 02/2025		So với tháng 02/2024 (%)		2 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	2 tháng năm 2024	2 tháng năm 2025
Tổng	428.357	134.524	104,2	43	723.772	233.700	14,9	-19	100	100
Trung Quốc	411.475	127.108	114,8	51,5	692.584	219.640	17,2	-17,6	93,79	95,69
Ma-lai-xi-a	3.993	1.556	785,4	574,6	5.364	2.112	137,6	75,9	0,36	0,74
Đài Loan	3.744	1.410	-20,2	-45,2	7.575	2.878	-21,8	-45,8	1,54	1,05
Phi-líp-pin	1.402	527	-45,3	-60,4	4.284	1.670	18,6	-9,3	0,57	0,59
Nhật Bản	1.054	352			2.024	731	511,5	325,9	0,05	0,28
Hàn Quốc	160	73			165	82	292,9	204,6	0,01	0,02
Pa-ki-xtan	34	23			34	23				0
Thị trường khác	6.495	3.474	-38,2	-42,2	11.742	6.565	-49,4	-50,4	3,68	1,62

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẴN VÀ TINH BỘT SẴN CỦA EU TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NGOẠI KHỐI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, năm 2024, nhập khẩu sắn và tinh bột sắn của EU từ các thị trường ngoại khối đạt 97,18 nghìn tấn, trị giá 91,54 triệu Eur (tương đương 99,76 triệu USD), tăng 8,8% về lượng và tăng 2,8% về trị giá so với năm 2023. Trong đó, Thái Lan, Cô-xta Ri-ca, Việt Nam, Bra-xin và Ni-ca-ra-go-a là các thị trường ngoại khối lớn nhất cung cấp sắn và tinh bột sắn cho EU trong năm 2024. Trừ Thái Lan, nhập khẩu sắn và tinh bột sắn từ các thị trường còn lại vào EU đều tăng trưởng so với năm 2023.

+ Sắn: Năm 2024, nhập khẩu sắn (HS 071410) của EU từ các thị trường ngoại khối đạt gần 47,15 nghìn tấn, trị giá 51,42 triệu Eur (tương đương 56,04 triệu USD), tăng 23,6% về lượng và tăng 9% về trị giá so với năm 2023, chủ yếu được nhập khẩu từ Cô-xta Ri-ca, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Ấn Độ và Việt Nam. Nhập khẩu sắn của EU từ các thị trường này đều tăng mạnh so với năm 2023.



Trong số các thị trường cung cấp sắn ngoại khối, EU nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Cô-xta Ri-ca, chiếm 76,64% trong tổng lượng nhập khẩu sắn từ các thị trường ngoại khối vào EU, đạt 36,13 nghìn tấn, trị giá 40,37 triệu Eur (tương đương 43,99 triệu USD), tăng 17,2% về lượng và tăng 1,6% về trị giá so với năm 2023. Tiếp theo là nhập khẩu từ Thái Lan đạt 6,64 nghìn tấn, trị giá 6,09 triệu Eur (tương đương 6,64 triệu USD), tăng 79,4% về lượng và tăng 100% về trị giá so với năm 2023.

Trong năm 2024, Việt Nam là thị trường ngoại khối cung cấp sắn lớn thứ năm cho EU với 581 tấn, trị giá 805 nghìn Eur (tương đương 877 nghìn USD), tăng 111,7% về lượng và tăng 91,4% về trị giá so với năm 2023. Thị phần sắn của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoại khối chiếm 1,23%, cao hơn so với mức 0,72% của năm 2023.

+ Tinh bột sắn: Năm 2024, nhập khẩu tinh bột sắn (HS 110814) của EU từ các thị trường ngoại khối đạt 50,03 nghìn tấn, trị giá 40,12 triệu Eur (tương đương 43,72 triệu USD), giảm 2,3% về lượng và giảm 4,3% về trị giá so với năm 2023, chủ yếu được nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, Bra-xin, Ni-ca-ra-go-a và Pa-ra-goay. Trừ Thái Lan, nhập khẩu tinh bột sắn của EU từ các thị trường còn lại đều tăng mạnh so với năm 2023.

Trong số các thị trường cung cấp tinh

bột sắn ngoại khối, EU nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Thái Lan với 30,16 nghìn tấn, trị giá 23,23 triệu Eur (tương đương 25,31 triệu USD), giảm 19,3% về lượng và giảm 18,5% về trị giá so với năm 2023. Thị phần tinh bột sắn Thái Lan trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoại khối chiếm 60,29%, thấp hơn so với mức 73,02% của năm 2023.

Trong năm 2024, Việt Nam là thị trường ngoài khối cung cấp tinh bột sắn lớn thứ hai cho EU với 9,23 nghìn tấn, trị giá 6,92 triệu Eur (tương đương 7,54 triệu USD), tăng

18,4% về lượng và tăng 39,2% về trị giá so với năm 2023. Thị phần tinh bột sắn Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoại khối chiếm 18,45%, cao hơn so với mức 15,22% của năm 2023.

Qua số liệu thống kê cho thấy, trong năm 2024, EU có xu hướng tăng nhập khẩu sắn, nhưng giảm nhập khẩu tinh bột sắn. Nhập khẩu sắn và tinh bột sắn của EU từ Việt Nam đều tăng so với năm 2023, tuy nhiên thị phần sắn và tinh bột sắn của Việt Nam vẫn ở mức thấp.

Thị trường ngoại khối cung cấp sắn và tinh bột sắn cho EU trong năm 2024

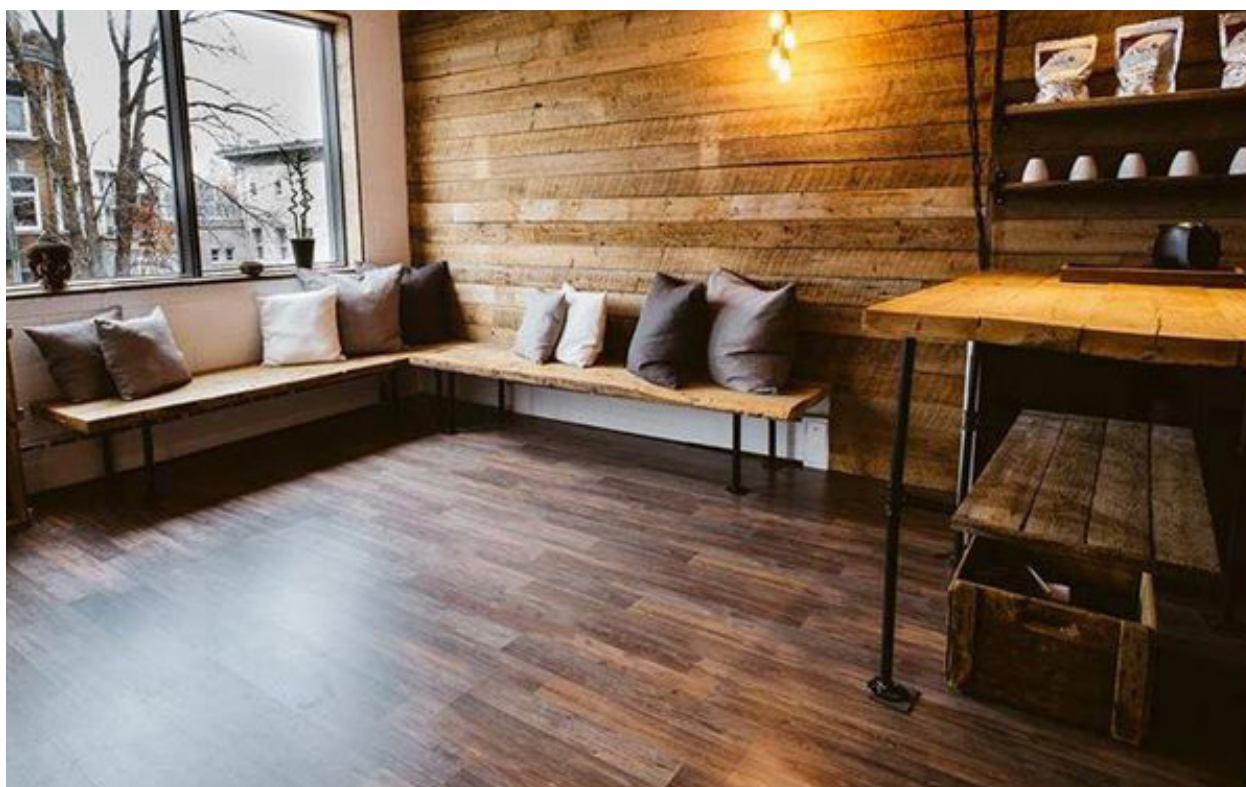
(Tỷ giá: 1 Eur = 1,0897 USD)

Mặt hàng - Thị trường	Năm 2024			So với năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn Eur)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2023	Năm 2024
Sắn (HS 071410)	47.149	51.427	56.040	23,6	9,0	100	100
Cô-xta Ri-ca	36.137	40.370	43.991	17,2	1,6	80,86	76,64
Thái Lan	6.644	6.096	6.643	79,4	100,0	9,71	14,09
Bờ Biển Ngà	776	773	843	107,8	87,2	0,98	1,65
Ấn Độ	616	780	850	54,4	56,1	1,05	1,31
Việt Nam	581	805	877	111,7	91,4	0,72	1,23
Tinh bột sắn (HS 110814)	50.033	40.121	43.719	-2,3	-4,3	100	100
Thái Lan	30.165	23.229	25.313	-19,3	-18,5	73,02	60,29
Việt Nam	9.232	6.919	7.540	18,4	39,2	15,22	18,45
Bra-xin	5.325	5.677	6.187	78,1	27,8	5,84	10,64
Ni-ca-ra-goat	2.731	1.843	2.008	943,1	1.024,9	0,51	5,46
Pa-ra-goay	1.031	855	932	82,1	18,8	1,11	2,06
Tổng	97.182	91.548	99.759	8,8	2,8	100	100

Nguồn: Eurostat

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Xuất khẩu đồ nội thất và phụ kiện đồ nội thất của Pê-ru trong năm 2024 tăng 14,5% so với năm 2023.
- ▶ Ngành công nghiệp đồ nội thất và thủ công công mỹ nghệ của In-đô-nê-xi-a đặt mục tiêu xuất khẩu tăng trưởng 8 - 12% trong năm 2025, bất chấp những căng thẳng thương mại đang diễn ra.
- ▶ 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Anh tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tăng.



THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Pê-ru: Dẫn nguồn globalwood.org, theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu Pê-ru (ADEX), xuất khẩu đồ nội thất và phụ kiện đồ nội thất của Pê-ru trong năm 2024 đạt 4,7 triệu USD (theo giá FOB), tăng 14,5% so với năm

2023. Pê-ru xuất khẩu mặt hàng này nhiều nhất tới thị trường Hoa Kỳ, chiếm 53% tổng trị giá xuất khẩu, nhưng giảm 3,5% so với năm 2023. Tiếp theo sau là xuất khẩu tới thị trường Chi-lê chiếm 10%, Cô-lôm-bi-a

chiếm 9%, I-ta-li-a chiếm 7% và Goa-tê-ma-la chiếm 5%.

In-đô-nê-xi-a: Dẫn nguồn interiordaily.com, Hiệp hội Công nghiệp Đồ nội thất và Thủ công mỹ nghệ In-đô-nê-xi-a (HIMKI) dự báo xuất khẩu đồ nội thất của nước này sẽ tăng trưởng từ 8 - 12% trong năm 2025. Chủ tịch HIMKI tuyên bố mục tiêu xuất khẩu của ngành công nghiệp đồ nội thất và thủ công mỹ nghệ của In-đô-nê-xi-a trong năm 2025 đạt 2,9 tỷ USD. Trong đó ngành công nghiệp đồ nội thất đạt 2,1 tỷ USD (khoảng 34,21 nghìn tỷ Rupiah) và thủ công mỹ nghệ đạt 800 triệu USD.

Chủ tịch HIMKI bày tỏ sự tin tưởng vào tiềm năng xuất khẩu bất chấp những căng

thẳng địa chính trị hiện tại, chẳng hạn như cuộc chiến thương mại đang diễn ra giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Mức thuế nhập khẩu cao đối với các sản phẩm của Trung Quốc sẽ là lợi thế đối với In-đô-nê-xi-a, vì Hoa Kỳ là thị trường quan trọng đối với ngành công nghiệp đồ nội thất của In-đô-nê-xi-a, với trị giá xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 250 triệu USD.

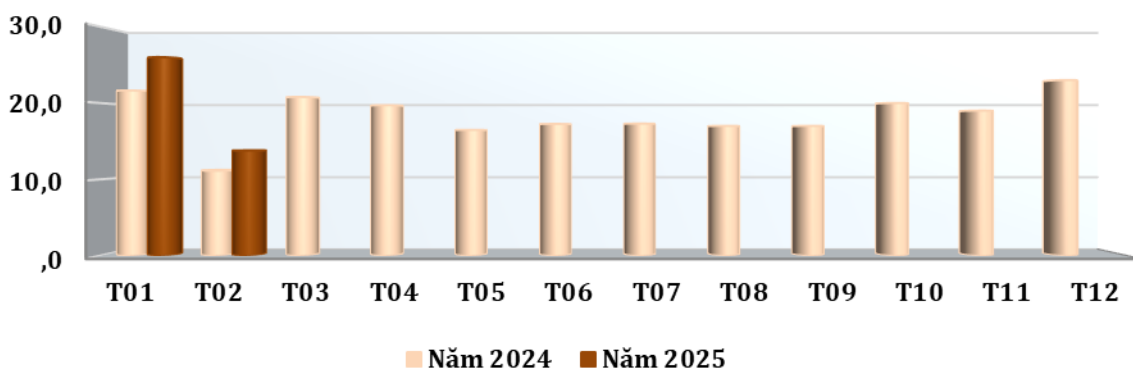
Mặc dù có những lo ngại về khả năng áp thuế 20% đối với hàng xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a sang Hoa Kỳ, tuy nhiên chưa có xác nhận chính thức nào về vấn đề này. Vì vậy, HIMKI vẫn lạc quan rằng In-đô-nê-xi-a có thể tận dụng tình hình và duy trì tăng trưởng xuất khẩu đồ nội thất và sản phẩm thủ công mỹ nghệ trong năm 2025.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TỚI THỊ TRƯỜNG ANH

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Anh trong tháng 02/2025 đạt 13,8 triệu USD, tăng 23,7% so với

tháng 02/2024. Tính chung 2 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh đạt 39,3 triệu USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường Anh năm 2024 - 2025 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan

Mặc dù chịu tác động của kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán vào tuần cuối tháng 01/2025, nhưng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh vẫn tăng trưởng tích cực. Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Anh, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, với trị giá chiếm 90,8% tổng trị giá xuất khẩu. Hầu hết các mặt hàng trong nhóm đồ nội thất bằng gỗ đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, trừ đồ nội thất nhà bếp có xu hướng giảm. Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cho ngành gỗ, vì vậy đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này góp phần thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng khả quan. Đáng chú ý, xây dựng nhà mới là ưu tiên hàng đầu của chính phủ Anh với mục tiêu từ nay đến năm 2029 xây dựng 1,5

triệu ngôi nhà mới. Theo đó, nhu cầu đối với đồ nội thất bằng gỗ dự kiến sẽ tăng trưởng tại thị trường Anh.

Tuy nhiên, xuất khẩu vào thị trường Anh doanh nghiệp cũng đối mặt với nhiều khó khăn như: Yêu cầu chất lượng cao, giá cả cạnh tranh; Các yêu cầu về chứng chỉ xanh, thương mại công bằng, quy định về sử dụng lao động... ngày càng được áp dụng rộng rãi khiến các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn, làm tăng chi phí đầu vào, tăng giá thành sản phẩm.

Để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Anh, doanh nghiệp cần tích cực tìm hiểu các thông tin cập nhật về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa và các quy định nhập khẩu.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh trong tháng 01/2025

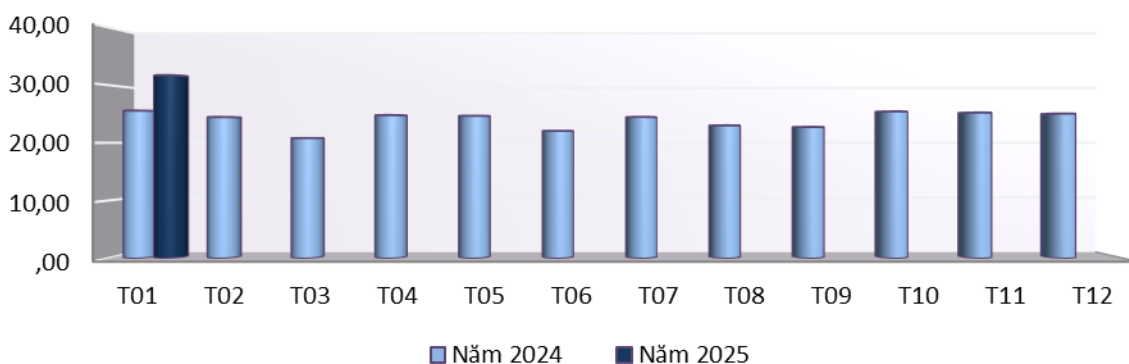
Mặt hàng	Tháng 01/2025 (Nghìn USD)	So với tháng 01/2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
			Tháng 01/2025	Tháng 01/2024
Tổng	25.587	18,3	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	23.224	15,2	90,8	93,2
<i>Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn</i>	<i>10.100</i>	<i>3,7</i>	<i>39,5</i>	<i>45,1</i>
<i>Đồ nội thất phòng ngủ</i>	<i>5.516</i>	<i>27,6</i>	<i>21,6</i>	<i>20,0</i>
<i>Ghế khung gỗ</i>	<i>5.123</i>	<i>37,4</i>	<i>20,0</i>	<i>17,2</i>
<i>Đồ nội thất văn phòng</i>	<i>1.994</i>	<i>18,6</i>	<i>7,8</i>	<i>7,8</i>
<i>Đồ nội thất nhà bếp</i>	<i>491</i>	<i>-28,1</i>	<i>1,9</i>	<i>3,2</i>
Gỗ, ván và ván sàn	1.237	168,1	4,8	2,1
Cửa gỗ	484	-10,5	1,9	2,5
Đồ gỗ mỹ nghệ	90	64,4	0,4	0,3
Khung gương	21	57,0	0,1	0,1

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA NHẬT BẢN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, trong tháng 01/2025, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản đạt 68,6 nghìn tấn, trị giá 31,7 tỷ Yên (tương đương 212,8 triệu USD), tăng 14,5% về lượng và tăng 24,0% về trị giá so với tháng 01/2024.

Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: Tỷ Yên)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Trung Quốc là thị trường cung cấp chính đồ nội thất bằng gỗ cho Nhật Bản trong tháng 01/2025, chiếm 58,1% tổng lượng nhập khẩu, đạt 39,9 nghìn tấn, trị giá 18 tỷ Yên (tương đương 120,9 triệu USD), tăng 11,8% về lượng và tăng 19,7% về trị giá so với tháng 01/2024. Thị trường cung cấp lớn thứ hai đồ nội thất bằng gỗ cho Nhật Bản là Việt Nam, với 14,4 nghìn tấn, trị giá 6,4 tỷ Yên (tương đương 43,3 triệu USD), tăng 15,5% về lượng và tăng 23,7% về trị giá so với tháng 01/2024, chiếm 21% tổng lượng nhập khẩu. Các nguồn cung cấp lớn tiếp theo là các thị trường: Ma-lai-xi-a đạt 6,6 nghìn tấn, trị giá 1,5 tỷ Yên (tương đương 10,3 triệu USD), tăng 24,2% về lượng và tăng 22,8% về trị giá; In-đô-nê-xi-a đạt 2,8 nghìn tấn, trị giá 1,1 tỷ Yên (tương đương 7,5 triệu USD), tăng 38,2% về lượng và tăng

41,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Triển vọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đến Nhật Bản trong năm 2025 rất khả quan, tuy nhiên doanh nghiệp cần chủ động hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm; Nắm bắt xu hướng tiêu dùng tại Nhật Bản, nhất là thị hiếu của người tiêu dùng trẻ đang ưa chuộng những sản phẩm mang tính thiết kế hiện đại, kết hợp giữa chất liệu gỗ và các vật liệu khác; Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như năng lực sản xuất sẽ giúp nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nội thất. Bên cạnh đó, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, giúp giảm thuế quan và mở rộng cơ hội cho sản phẩm nội thất bằng gỗ từ Việt Nam.

Tuy nhiên, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang thị trường Nhật Bản, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các nguồn cung cấp lớn khác như Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a... cũng đang

gia tăng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang Nhật Bản. Vì vậy, để đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng thị phần, các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao và chứng nhận nguồn gốc rõ ràng.

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Nhật Bản tháng 01/2025

Thị trường	Tháng 01/2025			So với tháng 01/2024 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Tháng 01/2025	Tháng 01/2024
Tổng	68.643	31.680.424	212.763	14,5	24,0	100,0	100,0
Trung Quốc	39.904	17.995.116	120.854	11,8	19,7	58,1	59,5
Việt Nam	14.406	6.441.898	43.263	15,5	23,7	21,0	20,8
Ma-lai-xi-a	6.609	1.528.078	10.262	24,2	22,8	9,6	8,9
In-đô-nê-xi-a	2.770	1.116.871	7.501	38,2	41,8	4,0	3,3
Thái Lan	1.861	693.547	4.658	-12,2	12,0	2,7	3,5
Phi-líp-pin	1.489	1.177.139	7.906	21,0	23,5	2,2	2,1
Đài Loan	663	368.165	2.473	9,6	2,9	1,0	1,0
Ba Lan	184	106.534	715	310,1	341,1	0,3	0,1
I-ta-li-a	159	853.332	5.731	14,2	68,0	0,2	0,2
Hàn Quốc	91	230.586	1.549	473,2	721,6	0,1	0,0
Thị trường khác	506	1.169.158	7.852	65,7	47,6	0,7	0,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Ghi chú: 1 USD = 148,9 Yên

Mặt hàng nhập khẩu

Trong tháng 01/2025, Nhật Bản tăng nhập khẩu các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ cả về lượng và trị giá. Trong đó, dẫn đầu về lượng và trị giá là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 36,4 nghìn tấn, trị giá 14,4 tỷ Yên (tương đương 96,8 triệu USD), tăng 15,7% về lượng và tăng 20,2% về trị giá so với tháng 01/2024. Tiếp theo là nhập khẩu ghế khung gỗ đạt 14,3 nghìn tấn, trị giá 10,7 tỷ Yên (tương đương 71,8 triệu USD), tăng

12,7% về lượng và tăng 27,1% về trị giá; Đồ nội thất phòng ngủ đạt 13,1 nghìn tấn, trị giá 4,3 tỷ Yên (tương đương 28,9 triệu USD), tăng 12,4% về lượng và tăng 24,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Nhật Bản nhập khẩu từ Việt Nam, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, ghế khung gỗ là các mặt hàng chính Nhật Bản nhập khẩu và đều còn nhiều dư địa thị trường

cho doanh nghiệp khai thác. Lượng và trị giá nhập khẩu từ Việt Nam đối với đồ nội thất phòng khách và phòng ăn chỉ chiếm 15,7% và ghế khung gỗ chiếm 17,4% tổng lượng nhập khẩu vào Nhật Bản. Đây cũng

là 2 mặt hàng mà Việt Nam có nhiều thế mạnh, vì vậy cơ hội để mở rộng thị phần đối với những mặt hàng này tại Nhật Bản là rất khả quan.

Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ tháng 01/2025

Mặt hàng	Tháng 01/2025			So với tháng 01/2024 (%)		Tỷ trọng NK từ Việt Nam theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Tháng 01/2025	Tháng 01/2024
Tổng	68.643	31.680.424	212.763	14,5	24,0	21,0	20,8
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	36.389	14.406.896	96.756	15,7	20,2	15,7	16,1
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	14.271	10.696.088	71.834	12,7	27,1	17,4	17,0
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	13.093	4.303.545	28.902	12,4	24,8	34,0	33,1
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	3.807	1.873.731	12.584	21,8	42,5	46,1	45,0
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	1.082	400.164	2.687	4,8	1,8	0,6	0,3

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản
Ghi chú: 1 USD = 148,9 Yên



HOA KỲ KHÔNG CÔNG NHẬN TÍNH TƯƠNG ĐỒNG CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN THÚ BIỂN CỦA VIỆT NAM

Cục Quản lý Đại dương và Khí quyển Mỹ (NOAA) đã đưa ra phán quyết sơ bộ không công nhận tính tương đồng của các biện pháp quản lý và bảo tồn thú biển của Việt Nam đối với 12 nghề khai thác hải sản, bao gồm lưới rê, lưới cuốn, lưới vây, câu, lưới kéo đơn/đôi... Các loài hải sản chịu ảnh hưởng gồm cá ngừ (mắt to, vây xanh, vây vàng, vằn), cá kiếm, mực, cá mú, cá thu, cá hồng, cua...

Lý do chính mà NOAA đưa ra là Việt Nam chưa đảm bảo đầy đủ các biện pháp quản lý và giám sát để hạn chế sát thương hoặc đánh bắt không chủ ý đối với thú biển, cũng như chưa ban hành quy định cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn của Mỹ. NOAA yêu cầu Việt Nam bổ sung bằng chứng và tiến độ thực hiện kế hoạch quản lý trước ngày 1/4/2025, với kết luận cuối cùng được công bố trước ngày 30/11/2025. Nếu không đáp ứng được yêu cầu, các sản phẩm hải sản từ những nghề khai thác này sẽ bị cấm nhập khẩu vào Mỹ từ ngày 1/1/2026.

Ngoài ra, Mỹ cũng có kế hoạch mở rộng Chương trình Giám sát Thủy sản Nhập khẩu (SIMP), yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp thêm thông tin chi tiết, làm tăng chi phí tuân thủ. Với kim ngạch xuất khẩu 1.8 tỷ USD vào Mỹ trong năm 2024, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch thủy sản Việt Nam, quy định của MMPA và SIMP có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành hàng này, đe dọa uy tín và vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

HOA KỲ ĐỀ NGHỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN GỬI BÌNH LUẬN VỀ VIỆC ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC NHẬP KHẨU GỖ ĐẾN AN NINH QUỐC GIA

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã khởi xướng cuộc điều tra theo Mục 232, Đạo luật Thương mại mở rộng năm 1962, xem việc nhập khẩu gỗ (bao gồm gỗ, gỗ xẻ và các sản phẩm phái sinh như sản phẩm giấy, đồ nội thất và tủ gỗ) vào Hoa Kỳ, có đe dọa đến an ninh quốc gia hay không và có cần các hành động nhằm đảm bảo chuỗi cung trong nước đáng tin cậy, an toàn và bền vững hay không.

Mới đây, DOC thông báo các Bên liên quan có thể gửi ý kiến bằng văn bản, dữ liệu, phân tích hoặc các thông tin liên quan khác trước ngày 01/4/2025 qua cổng thông tin www.regulations.gov (mã vụ việc là BIS-2025-0011). Các ý kiến bình luận cần ghi rõ tham

chiếu đến X-RIN 0694-XC117.

Các Bên liên quan gửi ý kiến bình luận thông qua cổng thông tin cần sử dụng tên của cá nhân hoặc tổ chức gửi ý kiến làm tên tệp. Trường hợp ý kiến bình luận có chứa thông tin mật của doanh nghiệp cần xác định rõ phần nào là thông tin mật, đồng thời, cung cấp lý do giải thích vì sao thông tin đó là mật và trích dẫn cơ sở pháp lý cụ thể để bảo vệ thông tin. Đồng thời, cần phải nộp một bản công khai của tài liệu. Đối với thông tin mật, tên tệp của bản mật phải bắt đầu bằng chữ "BC.". Bất cứ trang nào chứa thông tin mật đều phải được ghi rõ "BUSINESS CONFIDENTIAL" ở đầu trang. Đối với bản công khai, cần phải ghi rõ "PUBLIC", với tên tệp bắt đầu bằng chữ "P".

DOC đề nghị các bên liên quan đưa ra bình luận và thông tin liên quan tới các vấn đề sau:

1. Nhu cầu hiện tại và dự báo nhu cầu trong tương lai về gỗ tại Hoa Kỳ;
2. Khả năng đáp ứng nhu cầu gỗ và gỗ trong nước của Ngành sản xuất trong nước;
3. Vai trò của chuỗi cung ứng nước ngoài trong việc đáp ứng nhu cầu gỗ tròn và gỗ tại Hoa Kỳ;
4. Tác động của trợ cấp chính phủ nước ngoài và các hoạt động thương mại không công bằng đối với tính cạnh tranh của ngành công nghiệp gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Hoa Kỳ;
5. Đánh giá tính khả thi của việc tăng công suất sản xuất gỗ trong nước;
6. Tác động của các chính sách thương mại hiện hành đối với ngành sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ trong nước, và liệu cần phải có biện pháp bổ sung (gồm cả thuế quan và hạn ngạch) để bảo vệ an ninh quốc gia hay không;
7. Bất kỳ yếu tố liên quan nào khác.

Trước đó, vào ngày 01 tháng 3 năm 2025, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã ban hành sắc lệnh giao DOC khởi động điều tra theo Mục 232. Theo quy định của Hoa Kỳ, DOC sẽ tham vấn với Bộ trưởng Quốc phòng và những người đứng đầu các bộ và cơ quan hành pháp có liên quan để nộp báo cáo lên Tổng thống Hoa Kỳ không muộn hơn 270 ngày sau khi sắc lệnh này được ban hành, với các nội dung: (i) các phát hiện về việc liệu việc nhập khẩu gỗ, gỗ xẻ và các sản phẩm phái sinh của chúng có đe dọa đến an ninh quốc gia hay không; (ii) các khuyến nghị về các hành động nhằm giảm thiểu các mối đe dọa đó, bao gồm các mức thuế quan tiềm năng, kiểm soát xuất khẩu hoặc các ưu đãi để tăng sản lượng trong nước; và (iii) các khuyến nghị về chính sách nhằm củng cố chuỗi cung ứng gỗ

và gỡ xẻ của Hoa Kỳ thông qua các khoản đầu tư chiến lược và cải cách cấp phép.

Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ ngành liên quan theo dõi chặt chẽ các diễn biến của vụ việc; tiếp xúc, trao đổi với các cơ quan chức năng của Hoa Kỳ thông qua các kênh phù hợp để đảm bảo các biện pháp mà Hoa Kỳ đề xuất, nếu có, giải quyết được mối quan tâm của Chính phủ Hoa Kỳ nhưng vẫn góp phần thúc đẩy trao đổi thương mại lành mạnh giữa hai quốc gia. Bộ Công Thương khuyến nghị các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo dõi các chính sách, diễn biến các cuộc điều tra của Hoa Kỳ để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh; hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra của Hoa Kỳ khi được yêu cầu và liên hệ chặt chẽ với Bộ Công Thương để được hỗ trợ kịp thời.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Xử lý Phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Email: kiennh@moit.gov.vn, ngocny@moit.gov.vn (Chuyên viên phụ trách: Nguyễn Hoàng Kiên. Di động: 094.261.3889).

MỜI DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THAM DỰ HỘI CHỢ EXPOCAFE CHILE 2025

Để tăng cường, thúc đẩy tìm kiếm các đối tác nhập khẩu mặt hàng cà phê và các mặt hàng nông sản của Việt Nam tại thị trường Chi Lê, Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Chi Lê tổ chức tham dự và trưng bày sản phẩm của Việt Nam tại Hội chợ Expocafe Chile 2025, một trong những sự kiện quan trọng nhất của ngành cà phê tại khu vực Mỹ Latinh, cụ thể:

Tên Hội chợ: ExpoCafé Chile 2025

Thời gian: Từ ngày 19-20 tháng 7 năm 2025

Địa điểm: Trung tâm Triển lãm Espacio Riesco, tại Santiago, Chile

Quy mô: 12.000m² với 150 gian hàng trưng bày

Lượng khách tham quan: Dự kiến hơn 20.000 người, bao gồm nhà nhập khẩu, nhà phân phối, chuỗi cửa hàng cà phê, chuyên gia ngành và người tiêu dùng.

Hoạt động nổi bật: Kết nối giao thương (B2B), hội thảo chuyên ngành, cuộc thi cà phê chất lượng, trình diễn kỹ thuật chế biến hiện đại.

Lợi ích khi tham gia:

- Cơ hội tiếp cận trực tiếp các nhà nhập khẩu và đối tác tiềm năng tại Chile và khu vực Mỹ Latinh.

- Quảng bá thương hiệu, sản phẩm cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Cập nhật xu hướng tiêu dùng và công nghệ chế biến cà phê tiên tiến.

Thương vụ Việt Nam tại Chi Lê xin thông báo và kính mời Doanh nghiệp quan tâm xuất khẩu cà phê và các mặt hàng nông sản được biết để tham gia hoặc gửi sản phẩm, catalogue (tiếng Anh/ tiếng Tây Ban Nha) để Thương vụ trưng bày và giới thiệu sản phẩm cho Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp quan tâm có thể liên hệ Thương vụ Việt Nam tại Chi Lê để biết thêm chi tiết về cách thức đăng ký tham gia hoặc gửi sản phẩm giới thiệu. (Thương vụ hỗ trợ miễn phí việc gửi hàng mẫu và đề nghị Doanh nghiệp gửi catalogue và hàng mẫu trước ngày 15/4/2025 để kịp chuyển sang Chi Lê).

- Liên hệ: bà Ngô Thu Hương / ông Nguyễn Đức Minh

ZALO: +84 98242 6455 hoặc +84 98328 7989

- Email: cl@moit.gov.vn, nguyenminh2011@gmail.com

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.